

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH**

**NGÀNH: QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH DU LỊCH**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 409/QĐ-CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch)*

**Thái Nguyên, năm 2022**

**(Lưu hành nội bộ)**

## LỜI NÓI ĐẦU

Ngành du lịch Việt Nam trong những năm vừa qua đã nhận được sự quan tâm, ngày càng khẳng định vai trò quan trọng và hướng tới vị thế là ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân.

Để hoạt động du lịch phát triển, cần chú trọng tới mọi khía cạnh của ngành, trong đó có lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực. Hiện nay, các cơ sở đào tạo đã và đang triển khai đa dạng các chương trình đào tạo ở các cấp bậc và hệ đào tạo. Trong đó, Tổng quan du lịch là môn học cơ sở ngành quan trọng, được thiết kế nhằm đào tạo nguồn nhân lực du lịch của ngành.

Giáo trình Tổng quan du lịch cung cấp những kiến thức cơ bản và cần thiết về ngành Du lịch, bao gồm: các khái niệm cơ bản liên quan, lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch thế giới và Việt Nam, các tổ chức du lịch hiện nay, ảnh hưởng của du lịch tới các lĩnh vực, các điều kiện phát triển du lịch, các đặc điểm về thời vụ du lịch.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Tổng quan du lịch*** dành riêng cho người học trình độ Trung cấp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

**Chương 1: Khái quát về hoạt động du lịch.**

**Chương 2: Điều kiện phát triển du lịch**

**Chương 3: Thời vụ du lịch.**

Giáo trình này dùng để giảng dạy cho học sinh – sinh viên và học viên Trung cấp Quản lý và kinh doanh du lịch của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch. Mặc dù đã rất cố gắng, giáo trình vẫn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của độc giả, các nhà nghiên cứu để hoàn thiện giáo trình chất lượng nhất. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ email của khoa khách sạn du lịch: [khoaksdl2007@gmail.com](mailto:khoaksdl2007@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn./.

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	5
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC.....	6
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH.....	12
1.1. Các khái niệm cơ bản.....	13
1.1.1. Khái niệm về du lịch.....	13
1.1.2. Khái niệm về du khách.....	14
1.1.3. Nhu cầu du lịch.....	14
1.1.4. Sản phẩm du lịch.....	15
1.2. Sơ lược về sự hình thành, phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam ...	16
1.2.1. Lịch sử phát triển du lịch trên thế giới:.....	16
1.2.2. Sự hình thành và phát triển ngành du lịch Việt Nam.....	18
1.3. Một số tổ chức du lịch hiện nay.....	19
1.3.1. Một số tổ chức du lịch trên Thế giới.....	19
1.3.2. Một số tổ chức du lịch trong khu vực.....	19
1.3.3. Các tổ chức quản lý du lịch của Việt Nam.....	19
1.4. Các loại hình du lịch .....	20
1.4.1. Căn cứ theo phạm vi lãnh thổ của chuyến du lịch.....	20
1.4.2. Căn cứ theo mục đích chuyến đi.....	20
1.4.3. Căn cứ vào đặc điểm địa lý của điểm du lịch.....	21
1.4.4. Căn cứ vào loại hình lưu trú.....	21
1.4.5. Căn cứ vào thời gian chuyến đi.....	22
1.4.6. Căn cứ vào lứa tuổi du khách.....	22
1.4.7. Căn cứ vào việc sử dụng phương tiện giao thông.....	22
1.4.8. Căn cứ vào phương thức hợp đồng.....	23
1.5. Ảnh hưởng của du lịch tới các lĩnh vực khác .....	23
1.5.1. Ảnh hưởng của du lịch tới kinh tế .....	23
1.5.2. Ảnh hưởng của du lịch tới văn hoá, xã hội.....	23
1.5.3. Ảnh hưởng của du lịch tới môi trường tự nhiên .....	24

1.6. Quản lý Nhà nước về du lịch tại Việt Nam.....	24
1.6.1. Nguyên tắc quản lý. ....	24
1.6.2. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch.....	25
<b>CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....</b>	<b>27</b>
2.1. Các điều kiện bên ngoài ngành du lịch.....	28
2.1.1. Tài nguyên du lịch.....	28
2.1.2. Điều kiện kinh tế.....	32
2.1.3. Điều kiện an ninh chính trị và an toàn xã hội.....	33
2.1.4. Các chính sách phát triển du lịch.....	34
2.1.5. Các điều kiện chủ quan của du khách.....	34
2.1.6. Các điều kiện khác.....	35
2.2. Các điều kiện bên trong ngành du lịch.....	35
2.2.1. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	35
2.2.2. Đặc điểm của cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	35
2.2.3. Điều kiện về lao động trong du lịch.....	36
<b>CHƯƠNG 3. THỜI VỤ DU LỊCH.....</b>	<b>38</b>
3.1. Khái niệm và đặc điểm thời vụ du lịch. ....	39
3.1.1. Khái niệm thời vụ du lịch. ....	39
3.1.2. Các đặc điểm của thời vụ du lịch.....	40
3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến thời vụ trong du lịch.....	43
3.2.1. Yếu tố xã hội.....	43
3.2.2. Yếu tố tự nhiên.....	46
3.2.3. Yếu tố về sự sẵn sàng đón tiếp khách.....	48
3.3. Một số biện pháp khắc phục tính thời vụ trong du lịch.....	48
3.3.1. Những tác động bất lợi do hoạt động du lịch gây ra.....	48
3.3.2. Các biện pháp khắc phục tính thời vụ trong du lịch.....	50

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
<b>1</b>	TCN	Trước Công nguyên
<b>2</b>	NXB	Nhà xuất bản

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Tổng quan về du lịch

2. Mã môn học: MH08

### 3. Vị trí, tính chất của môn học:

#### 3.1. Vị trí:

Giáo trình Tổng quan du lịch thuộc nhóm các môn học thuộc môn cơ sở ngành, trong chương trình đào tạo Trung cấp Quản lý và kinh doanh du lịch, tại trường Cao đẳng Thương Mại & Du lịch.

**3.2. Tính chất:** Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến các vấn đề chung về du lịch, các điều kiện hình thành và phát triển hoạt động du lịch; Thời vụ du lịch. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế thuộc lĩnh vực quản trị quản lý và kinh doanh du lịch.

### 4. Mục tiêu của môn học:

#### 4.1 Về kiến thức

- Nhận diện và trình bày được những nội dung cơ bản liên quan đến du lịch.
- Phân tích được các yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch du lịch.
- Phân tích được đặc điểm thời vụ du lịch và các biện pháp khắc phục tính thời vụ trong hoạt động du lịch.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Phân tích được những ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên, xã hội.
- Lựa chọn được các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa.
- Lựa chọn được các biện pháp để khắc phục tính thời vụ trong hoạt động du lịch.

#### 4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn, khai thác và phát triển các di sản văn hóa và tài nguyên tự nhiên trong hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch.
- Cân nhắc được các biện pháp khắc phục tính thời vụ trong hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch
- Ý thức tuân thủ các nội quy quy chế về bảo tồn, phát triển du lịch bền vững tại các điểm tham quan.

### 5. Nội dung của môn học

#### 5.1. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>61</b>	<b>1590</b>	<b>452</b>	<b>1074</b>	<b>64</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>14</b>	<b>210</b>	<b>197</b>	<b>-</b>	<b>13</b>
MH07	Quản trị học	2	30	28	-	2
MH08	Tổng quan về du lịch	2	30	28	-	2
MH09	Kinh tế du lịch	2	30	28	-	2
MH10	Tâm lý du khách và kỹ năng GT	2	30	28	-	2
MH11	Tuyến điểm du lịch VN	2	30	28	-	2
MH12	Văn hóa du lịch	4	60	57	-	3
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>45</b>	<b>1350</b>	<b>227</b>	<b>1074</b>	<b>49</b>
MH13	Ngoại ngữ chuyên ngành DL	4	60	57	-	3
MH14	Marketing du lịch	2	30	28	-	2
MH15	Lý thuyết nghiệp vụ HDDL	4	60	57	-	3
MH16	Quản trị DN du lịch lữ hành	4	60	57	-	3
MH17	Quản lý chất lượng dịch vụ DL	2	30	28	-	2

MH18	Thực hành thiết kế tour du lịch	3	90	-	82	8
MH19	Thực hành hướng dẫn du lịch	3	90	-	82	8
MH20	Thực hành thuyết minh	3	90	-	82	8
MH21	Thực hành quản trị DN du lịch	4	120	-	108	12
MH22	Thực tập TN	16	720		720	
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>2</b>
MH23	Tổ chức sự kiện	2	30	28	-	2
MH24	Nghiệp vụ thanh toán	2	30	28	-	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>73</b>	<b>1845</b>	<b>546</b>	<b>1222</b>	<b>77</b>

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Khái quát về hoạt động du lịch	8	8	0	0
2	Chương 2. Các điều kiện phát triển du lịch	14	14	0	0
3	Chương 3. Thời vụ du lịch	8	6	0	2
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

**6.1. Phòng học Lý thuyết:** Đáp ứng phòng học chuẩn

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về các vấn đề chung của du lịch và vận dụng vào hoạt động hướng dẫn du lịch.



## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng Thương mại & Du lịch Thông tư số 04/2022/TT-LĐTĐ, ban hành ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Quy chế Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, tín chỉ của Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-CĐTMDL ngày 01/6/2022 và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học/Modun trong chương trình đào tạo.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch như sau:

<b>Điểm đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

#### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Phương pháp tổ chức</b>	<b>Hình thức kiểm tra</b>	<b>Thời điểm kiểm tra</b>
Thường xuyên	Viết/	Tự luận/	Sau 20 giờ.
Định kỳ	Viết/	Tự luận/	Sau 28 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

**8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng Cao đẳng Thương mại & Du lịch

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận...

\* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

**8.2.2. Đối với người học:** Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## **9. Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. NXB Lao động – Xã hội.
2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2006), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/07/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật Di sản văn hóa*.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Du lịch*.
8. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (2015), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Trần Đức Thanh (2003), *Giáo trình nhập môn Khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Mai Quốc Tuấn (2010), *Giáo trình địa lý và tài nguyên du lịch*. NXB Lao động.
11. Lê Anh Tuấn (2008), *Du lịch nông thôn – Định hướng phát triển ở Việt Nam*. Tạp chí Du lịch Việt Nam, Tổng cục Du lịch, số 2/2008, trang 31,32.

## CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương 1 là chương giới thiệu chung về các vấn đề về văn hóa và văn hóa du lịch giúp người học để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

### ❖ MỤC TIÊU

#### \* Về kiến thức

- + Trình bày được những khái niệm liên quan đến du lịch.
- + Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của hoạt động du lịch.
- + Kể tên được các tổ chức du lịch hiện nay.
- + Phân tích được một số loại hình du lịch hiện nay.
- + Phân tích được ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến các lĩnh vực khác.

#### \* Về kỹ năng

- + Nhận diện được tầm quan trọng của kỹ năng thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin;
- + Nhận diện được các loại hình du lịch hiện nay.

#### \* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- + Lựa chọn và cân nhắc các biện pháp hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động du lịch đến các lĩnh vực khác.
- + Tiếp nhận tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ bài học được giao.

### ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

**- Nội dung:**

+ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*

+ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

+ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*

+ *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*

+ *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*

+ *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

**- Phương pháp:**

+ *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*

+ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*

**❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1**

1.1. Các khái niệm cơ bản.

1.1.1. Khái niệm về du lịch.

Thực tế, có rất nhiều khái niệm về du lịch đã được đưa ra. Những khái niệm này có thể phản ánh du lịch dưới nhiều góc độ khác nhau tùy thuộc vào cách nhìn nhận, xem xét du lịch trong từng giai đoạn phát triển.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hóa, tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch ở Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa như sau về du lịch: “*Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay người nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến không phải là nơi làm việc của họ*”. Định nghĩa này là cơ sở cho định nghĩa du khách đã được Liên minh quốc tế các tổ chức du lịch chính thức, tiền thân của Tổ chức du lịch thế giới thông qua.

Năm 2017, Luật Du lịch Việt Nam được sửa đổi, bổ sung. Khái niệm Du lịch được chính thức hiểu như sau: “*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác*”.

Như vậy, du lịch là một hoạt động có nhiều đặc thù, gồm nhiều thành phần tham gia. Hoạt động du lịch vừa có đặc điểm của ngành kinh tế, lại có đặc điểm của ngành văn hóa – xã hội.

### 1.1.2. Khái niệm về du khách.

Có không ít định nghĩa về du khách. Tuy nhiên, do hoàn cảnh thực tế ở mỗi nước, dưới lăng kính khác nhau của các học giả, các định nghĩa được đưa ra không phải hoàn toàn như nhau.

Theo tổ chức du lịch Thế giới: *khách du lịch là những người có các đặc trưng sau: Là người đi khỏi nơi cư trú của mình; Không theo đuổi mục đích kinh tế; Đi khỏi nơi cư trú từ 24 giờ trở lên; Khoảng cách tối thiểu từ nhà đến điểm đến tùy quan niệm của mỗi nước.*

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017: *“Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc để nhận thu nhập ở nơi đến”.*

Khách du lịch bao gồm khách du lịch nội địa, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.

*Khách du lịch nội địa* là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú ở Việt Nam đi du lịch trong lãnh thổ Việt Nam.

*Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam* là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch.

*Khách du lịch ra nước ngoài* là công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú ở Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

### 1.1.3. Nhu cầu du lịch.

Nhu cầu là tính chất của cơ thể sống, biểu hiện trạng thái thiếu hụt hay mất cân bằng của chính cá thể đó và do đó phân biệt nó với môi trường sống. Nhu cầu tối thiểu hay còn gọi là nhu yếu đó được lập trình qua quá trình rất lâu dài tồn tại, phát triển và tiến hóa. Nhu cầu chi phối mạnh mẽ đến đời sống tâm lý nói chung, đến hành vi của con người nói riêng. Nhu cầu được nhiều ngành khoa học quan tâm nghiên cứu và sử dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống.

Nhu cầu du lịch được hiểu là sự mong muốn của con người đi đến một nơi khác nơi ở thường xuyên của mình để có thể có được những xúc cảm mới, trải nghiệm mới, hiểu biết mới, để phát triển các mối quan hệ xã hội, phục hồi sức khỏe, tạo sự thoải mái dễ chịu về tinh thần.

Nhu cầu du lịch khác với nhu cầu của khách du lịch. Nhu cầu du lịch không phải là nhu cầu cơ bản, do vậy, nhu cầu du lịch chỉ được thỏa mãn trong những điều kiện nhất định, đặc biệt là điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội... còn nhu cầu

của khách du lịch là những mong muốn cụ thể của khách du lịch trong một chuyến du lịch cụ thể.

Về cơ bản, căn cứ vào việc thống kê và nghiên cứu những mục đích chính của các chuyến đi du lịch, các chuyên gia về du lịch đã phân loại thành các nhóm động cơ đi du lịch gắn với các mục đích cụ thể sau:

Nhóm 1: Nhu cầu cơ bản: đi lại, lưu trú, ăn uống.

Nhóm 2: Nhu cầu đặc trưng. Khách đi du lịch với mục đích nghỉ ngơi, giải trí, phục hồi tâm sinh lý, tiếp cận gần gũi với thiên nhiên, thay đổi môi trường sống; mục đích thể thao; mục đích văn hoá, giáo dục, thưởng thức cái đẹp,...

Nhóm 3: Nhu cầu bổ sung như thẩm mỹ, làm đẹp, thông tin, giặt là,...

Tiếp cận từ khía cạnh trên, chúng ta thấy nhu cầu du lịch là một loại nhu cầu đặc biệt, thứ cấp và tổng hợp của con người. Đặc biệt, do khác những nhu cầu hàng ngày của con người, khi đi du lịch người ta thường chi tiêu nhiều hơn, đòi hỏi được phục vụ tốt hơn. Thứ cấp do con người chỉ có thể nghĩ tới đi du lịch khi đã thoả mãn những nhu cầu thiết yếu, cần thiết hàng ngày. Tổng hợp vì trong một chuyến du lịch, con người đòi hỏi phải thoả mãn nhiều nhu cầu khác nhau, mà để thoả mãn thì chúng cần dịch vụ của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định.

#### 1.1.4. Sản phẩm du lịch.

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017: “*Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch*”.

Thông thường, mỗi đơn vị cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch chỉ cung cấp một số sản phẩm du lịch đơn lẻ nào đó như: dịch vụ ăn uống, lưu trú, tham quan, vận chuyển,... Trong khi đó, nhu cầu của khách du lịch đòi hỏi một sản phẩm hoàn chỉnh bao gồm nhiều sản phẩm đơn lẻ được liên kết với nhau một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm nhu cầu của từng đối tượng khách du lịch. Vì vậy, khái niệm sản phẩm du lịch cần được hiểu theo nghĩa là một sản phẩm hoàn chỉnh.

Xét theo quá trình tiêu dùng của khách du lịch trên chuyến hành trình du lịch thì chúng ta có thể tổng hợp các dịch vụ của sản phẩm du lịch theo các nhóm cơ bản sau:

*Dịch vụ vận chuyển:* Vận chuyển hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy.

*Dịch vụ lưu trú:* sản phẩm là các buồng, giường và các tiện ích khác phục vụ khách du lịch trong quá trình lưu trú tại khách sạn.

*Dịch vụ ăn uống:* là dịch vụ không thể thiếu được đối với khách du lịch và ngày nay phục vụ ăn uống trở thành một hoạt động kinh doanh đáng kể trong du lịch.

*Dịch vụ tham quan, giải trí:* Cung cấp các hoạt động giải trí là bộ phận cũng không kém phần quan trọng trong du lịch vì nó tạo nên sự hấp dẫn, thu hút và lôi kéo khách du lịch. Bộ phận kinh doanh giải trí bao gồm hoạt động của các công viên giải trí, sở thú, bách thảo, viện bảo tàng, các di tích lịch sử, các lễ hội dân gian... Ngoài ra, các hoạt động mua sắm đặc biệt là hàng hoá lưu niệm, các hoạt động văn hoá, các công trình kiến trúc...

Các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch: thông tin, bưu chính, đổi, chuyển tiền,...

## 1.2. Sơ lược về sự hình thành, phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam

### 1.2.1. Lịch sử phát triển du lịch trên thế giới:

Cho đến nay có rất ít tư liệu giới thiệu về sự hình thành và phát triển du lịch thế giới. Tuy nhiên, dựa trên các công trình nghiên cứu đã được công bố, có thể chia quá trình phát triển du lịch thế giới thành bốn thời kỳ sau:

#### *Thời kỳ cổ đại*

Về điều kiện kinh tế - xã hội. Sự phát triển của quá trình giao lưu kinh tế xã hội sau cuộc phân công lao động lần thứ 3 là tiền đề cho sự ra đời của ngành du lịch. Nhiều đền thờ, quảng trường, công trình kiến trúc được xây dựng. Những phát minh quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới việc đi lại của con người cũng lần lượt ra đời như thuyền buồm, bánh xe... Sự xuất hiện của đồng tiền xu đầu tiên vào năm 680 TCN được đưa vào sử dụng ở Lydia tạo cơ sở cho việc trao đổi hàng hóa được thuận lợi hơn.

Sự hình thành hiện tượng đi du lịch và các loại hình du lịch chủ yếu. Du lịch thường tập trung ở các trung tâm kinh tế, văn hoá của loài người tiêu biểu là Athens, Rome. Các chuyến đi du lịch chủ yếu thời kỳ này là của giới quý tộc, thương nhân, chủ nô... và hoạt động du lịch mang tính tự phát. Các loại hình du lịch chủ yếu như: Du lịch văn cảnh; Du lịch tín ngưỡng; Du lịch thể thao (sự ra đời của thể vận hội Olympic đầu tiên ở Hy Lạp vào năm 776 TCN đã thu hút sự quan tâm của người hâm mộ từ nhiều quốc gia trên thế giới).

#### *Thời kỳ trung đại (từ thế kỷ thứ V đến đầu thế kỷ thứ XVII)*



Giai đoạn đầu thời kỳ phong kiến (thế kỷ V đến thế kỷ XI). Giai đoạn này, điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, trình độ sản xuất thấp kém, trì trệ do sự sụp đổ của đế chế La Mã. Nhiều kiệt tác kiến trúc, nghệ thuật, xã hội và văn học, đường xá bị phá hủy. Chiến tranh kéo dài, nhà cầm quyền thay đổi và biên giới biến động. Thiên chúa giáo ngự trị và chi phối tất cả các lĩnh vực của cuộc sống thuộc mọi tầng lớp nhân dân. Thời kỳ này, loại hình du lịch chủ yếu là du lịch tôn giáo (những cuộc thập tự chinh tôn giáo, hành hương về thánh địa, nhà thờ diễn ra rầm rộ).

Giai đoạn hưng thịnh của chế độ phong kiến (từ giữa thế kỷ XI đến thế kỷ XVI). Điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi. Sự ra đời của các lãnh địa phong kiến thay thế nhà nước chiếm hữu nô lệ. Các tầng lớp dân cư trong xã hội có sự khác biệt rõ rệt. Những đô thị kiểu phong kiến được hình thành và phát triển như một trung tâm định cư của nghề thủ công nghiệp, thương mại. Các loại hình du lịch chủ yếu: Du lịch chữa bệnh, vui chơi giải trí; Du lịch công vụ; Du lịch tôn giáo: những chuyến đi dài ngày của các đoàn người sùng đạo đến các trung tâm đạo giáo.

Các chuyến du lịch thám hiểm phát kiến địa lý đầu tiên của loài người: Chuyến du lịch của nhà thám hiểm Marco Polo vào năm 1275 đến các nước phương Đông và cho ra đời cuốn sách "Marco Polo phiêu lưu ký"; Nhà thám hiểm Afanasi Nikitin năm 1466 đến Ấn Độ; Cuộc hành trình của Kritophoro Colombo đã tiến hành 4 chuyến vượt biển để thám hiểm và phát kiến ra Châu Mỹ từ 1492; Cuộc thám hiểm của Vasco de Gama năm 1498 đi xuống phía Nam; Hành trình của Magenllan vào năm 1519 đi vòng quanh Trái Đất. Những chuyến đi này đã để lại những kinh nghiệm quý báu cho các tầng lớp kế tiếp và đã kích thích óc tò mò, sự ham muốn của nhiều người, mở đường cho các chuyến đi xa về sau.

*Thời kỳ cận đại (từ đầu những năm 40 của thế kỷ XVII đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất)*

Điều kiện kinh tế - xã hội có sự phát triển vượt bậc: Các phát minh mang tính khoa học kỹ thuật về vận chuyển, truyền tin (điện tín: 1876; điện thoại 1884). Đặc biệt, năm 1784 Jame Watt phát minh ra động cơ hơi nước nên ngành đường sắt ra đời và phát triển; tàu thủy cũng được đưa vào sử dụng chở hàng hóa và hành khách. Nền kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh mẽ, đời sống người dân được nâng cao là điều kiện phát sinh nhu cầu du lịch.

Hoạt động du lịch khởi sắc hơn bất kỳ giai đoạn nào trước đó: Các công ty du lịch bao thầu trọn gói, các văn phòng tư vấn du lịch mà điển hình là Thomas

Cook - ông tổ của ngành kinh doanh lữ hành vào năm 1841 đã được ra đời; Các loại hình du lịch chủ yếu như tham quan di tích lịch sử, nghỉ dưỡng ở các vùng sinh thái, đồng quê, ẩm thực... Hoạt động du lịch đã có những chuyển biến cả chất và lượng, xuất hiện những chuyến đi dài ngày và với nhiều mục đích khác nhau ở các tầng lớp dân cư.

*Thời kỳ hiện đại (từ sau cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất đến nay)*

Điều kiện kinh tế - xã hội: Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ 2 diễn ra đã góp phần đáng kể trong sự phát triển của ngành du lịch. Phương tiện vận chuyển có tốc độ cao, hệ thống các sân bay, bến cảng, tàu xuất hiện. Các phương tiện truyền tin như điện thoại di động, hệ thống Fax, internet, truyền thanh, truyền hình... ra đời. Cách mạng Công nghệ sinh học đã tạo ra được nhiều giống cây, động vật có chất lượng và năng suất cao. Xu thế hội nhập quốc tế phổ biến toàn cầu, quan hệ song phương, đa phương... được mở rộng.

Các loại hình du lịch chủ yếu: thám hiểm vũ trụ, mặt trăng, du lịch về cội nguồn, hội nghị, tự khám phá bản thân,... Hoạt động du lịch quốc tế phát triển mạnh, xuất hiện nhiều loại hình du lịch mới nhằm thoả mãn các nhu cầu cao hơn của con người.

### 1.2.2. Sự hình thành và phát triển ngành du lịch Việt Nam.

Thời kỳ phong kiến: đó là các chuyến đi kinh lý sang các nước láng giềng hoặc các chuyến đi nghỉ ngơi, săn bắn của vua chúa, quan lại; đi văn cảnh, lễ hội hay các chuyến đi du ngoạn của các thi sĩ Trương Hán Siêu, Hồ Xuân Hương, ...

Thời kỳ cận đại (đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX) Việt Nam là nước thuộc địa của thực dân Pháp. Du lịch trong thời gian này vẫn chỉ thuộc về một bộ phận rất nhỏ là những người có địa vị, tiền bạc. Một số khách sạn, khu nghỉ mát được xây dựng để phục vụ cho các sĩ quan Pháp, giới quan lại và gia đình giàu có tại các thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Huế và một số khu nghỉ mát như Sapa, Đà Lạt, Vũng Tàu...

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, du lịch hầu như không phát triển do sự chia cắt lãnh thổ và chiến tranh.

Sau năm 1975, du lịch chủ yếu là các chuyến đi của cán bộ công nhân viên và người lao động có nhiều thành tích được nhà nước đãi ngộ theo chương trình điều dưỡng đã tăng lên nhanh chóng.

Sau năm 1990, khi chính sách đổi mới và thực hiện đổi mới nền kinh tế đã gặt hái được những thành công thì du lịch trở thành xu hướng có tính phổ biến

trong mọi tầng lớp dân cư. Các hoạt động du lịch đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng lẫn các loại hình, chi tiêu và thời gian, du lịch không chỉ diễn ra trong nước mà cả các chuyến đi du lịch ra nước ngoài cũng tăng lên.

1.3. Một số tổ chức du lịch hiện nay.

1.3.1. Một số tổ chức du lịch trên Thế giới.

#### *Tổ chức Du lịch thế giới (WTO)*

Thành lập ngày 02/01/1975, có trụ sở chính đặt tại Madrid, Tây Ban Nha, tiền thân là Hiệp hội các tổ chức du lịch chính thức quốc tế (IUOTO) mang tính chất phi chính phủ và được thành lập năm 1925. Chức năng của Tổ chức Du lịch Thế giới là kiểm soát, định hướng phát triển, phân tích cung cấp thông tin, giúp đỡ các Chính phủ trong việc hoạch định và quản lý du lịch ở các quốc gia. Việt Nam gia nhập Tổ chức Du lịch Thế giới ngày 17/09/1981.

#### *Hội đồng du lịch lữ hành thế giới (WTTC)*

Đây là một liên minh toàn cầu những người điều hành các công ty trong các lĩnh vực khác nhau của lữ hành và du lịch với mục đích quảng bá sự mở rộng của các thị trường du lịch và lữ hành, khuyến khích việc cung cấp các dịch vụ có chất lượng cho khách hàng.

1.3.2. Một số tổ chức du lịch trong khu vực.

#### *Hiệp hội Châu Á – Thái Bình Dương (PATA)*

Hiệp hội thành lập năm 1951, đặt trụ sở tại Băng Cốc, Thái Lan. Mục đích hoạt động nhằm tuyên truyền và khuyến khích sự phát triển du lịch ở khu vực thông qua nghiên cứu, giáo dục và đào tạo, phát triển các sản phẩm, bảo tồn di sản, quảng bá các hoạt động liên quan đến du lịch.

#### *Hiệp hội du lịch ASEAN (ASEANTA)*

Hiệp hội thành lập năm 1967, đặt trụ sở tại Singapore. Mục đích hoạt động nhằm xúc tiến hợp tác và giúp đỡ nhau trong việc khuyến khích, bảo vệ các mối quan tâm của các thành viên cũng như tiêu chuẩn tiện nghi và dịch vụ cho du khách và sự phát triển du lịch khu vực Đông Nam Á.

1.3.3. Các tổ chức quản lý du lịch của Việt Nam.

#### *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

Đây là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về du lịch. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

lịch trong việc thực hiện quản lý nhà nước về du lịch: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Chính, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao.

### *Tổng cục Du lịch*

Tổng cục Du lịch trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập ngày 27/06/1978 với chức năng: quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch trong phạm vi cả nước bao gồm hoạt động du lịch của các thành phần kinh tế, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức xã hội, công dân và người nước ngoài tại Việt Nam. Nhiệm vụ xây dựng, quy hoạch, kế hoạch và phát triển du lịch.

#### 1.4. Các loại hình du lịch

##### 1.4.1. Căn cứ theo phạm vi lãnh thổ của chuyến du lịch.

*Du lịch quốc tế*: Là hình thức du lịch mà ở đó điểm xuất phát và điểm đến của khách nằm ở lãnh thổ của các quốc gia khác nhau và tiêu ngoại tệ ở nơi đến du lịch. Trong hoạt động du lịch này, khách du lịch phải đi qua biên giới, có thể liên quan đến các thủ tục xin thị thực xuất nhập cảnh, chi dùng ngoại tệ và sử dụng ngoại ngữ...

Du lịch quốc tế được chia thành hai loại:

Du lịch quốc tế đến (*du lịch nhận khách - inbound tourism*): là hình thức mà ở đó khách du lịch là người đang sinh sống ở nước ngoài đến nước sở tại du lịch.

Du lịch quốc tế ra nước ngoài (*du lịch gửi khách - outbound tourism*): là hình thức mà ở đó khách du lịch là công dân hoặc người đang sinh sống ở nước sở tại đi sang một nước khác du lịch.

*Du lịch nội địa*: là hình thức mà ở đó công dân hoặc người đang sinh sống tại một quốc gia đi du lịch trong lãnh thổ quốc gia đó. Nói cách khác, trong loại hình du lịch này, điểm xuất phát và điểm đến của khách du lịch nằm trên cùng lãnh thổ của một quốc gia.

##### 1.4.2. Căn cứ theo mục đích chuyến đi.

*Du lịch chữa bệnh*: khách có nhu cầu điều trị các bệnh tật về thể xác và tinh thần.

*Du lịch thiên nhiên*: khách muốn tận hưởng bầu không khí trong lành ngoài trời, thưởng thức phong cảnh,...

*Du lịch văn hóa*: khách có nhu cầu về nâng cao kiến thức về truyền thống lịch sử, văn hoá, khoa học kỹ thuật, văn hoá nghệ thuật,...

*Du lịch thể thao*: thu hút những người ham mê thể thao để nâng cao thể chất và sức khỏe. Thể thao chủ động: khách đi du lịch để tham gia trực tiếp vào hoạt động thể thao. Thể thao thụ động: những cuộc hành trình đi du lịch để xem các cuộc thi đấu thể thao quốc tế.

*Du lịch công vụ*: mục đích chính của khách là thực hiện nhiệm vụ công tác, kinh doanh hoặc nghề nghiệp nào đó và có kết hợp với hoạt động tham quan du lịch.

*Du lịch tôn giáo*: nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng đặc biệt của các tín đồ theo các đạo giáo khác nhau.

#### 1.4.3. Căn cứ vào đặc điểm địa lý của điểm du lịch

*Du lịch miền biển*: về với thiên nhiên, tham gia các hoạt động du lịch biển như tắm biển, khám phá lòng đại dương, lặn, lướt sóng,... Tuy nhiên, các vùng biển này phải đạt được các tiêu chuẩn về nhiệt độ không khí, nhiệt độ nước biển, độ thoải của bãi tắm, tài nguyên biển,...

*Du lịch miền núi*: Là hoạt động du lịch xanh diễn ra tại các địa điểm có địa hình đồi núi, thường kết hợp tham quan, tìm hiểu về thiên nhiên hoặc đồng bào dân tộc thiểu số, khách được tự khẳng định mình bằng việc chinh phục những đỉnh cao và hiểm trở của các ngọn núi,...

*Du lịch đô thị*: đó là các thành phố, các trung tâm phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học có sức hấp dẫn bởi các công trình kiến trúc có tầm cỡ quốc gia, quốc tế và các khu trung tâm thương mại sầm uất thoả mãn nhu cầu mua sắm của du khách.

*Du lịch nông thôn*: thu hút du khách sinh sống ở các thành phố lớn với cuộc sống đầy ô nhiễm, ồn ào, căng thẳng. Họ đến với các vùng quê ở nông thôn để được hoà mình vào cảnh vật thanh bình, không gian thoáng đãng, để tìm thấy một phần cội nguồn của mình, tuổi thơ của mình,...

#### 1.4.4. Căn cứ vào loại hình lưu trú.

*Du lịch lều trại (Camping)*: là loại hình lưu trú lưu động được dựng lên trên các bãi đất trống gần điểm du lịch bằng các vật liệu: bạt, dù, cột,... được giới thanh niên ưa thích.

*Làng du lịch*: Là một quần thể các biệt thự hay bungalow được bố trí để tạo ra một không gian du lịch cho phép du khách vừa có điều kiện giao tiếp, vừa có không gian biệt lập khi muốn.

#### 1.4.5. Căn cứ vào thời gian chuyến đi.

*Du lịch dài ngày*: là loại hình du lịch mà ở đó khách du lịch đi du lịch trong khoảng thời gian tương đối dài, thường trên 1 tuần lễ (phù hợp với các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng chữa bệnh, nghiên cứu, thám hiểm của các nhà khoa học,...)

*Du lịch ngắn ngày*: là loại hình du lịch mà ở đó khách du lịch đi du lịch trong khoảng thời gian tương đối ngắn, thường dưới 1 tuần lễ (phù hợp với các loại hình du lịch như nghỉ biển, du lịch cuối tuần,...)

#### 1.4.6. Căn cứ vào lứa tuổi du khách.

*Du lịch thanh thiếu niên* (từ 13 tới 35 tuổi) có nhu cầu vận động cao, ít chịu sự tù túng...

*Du lịch trung niên* (từ 35 đến hết tuổi lao động): khả năng chi trả cao, thích vận động nhẹ nhàng...

*Du lịch người cao tuổi* (sau độ tuổi lao động): thích một không gian yên tĩnh để nghỉ ngơi, ít vận động, thời gian rỗi nhiều,...

#### 1.4.7. Căn cứ vào việc sử dụng phương tiện giao thông.

*Du lịch bằng máy bay*: ưu thế của phương tiện này là di chuyển nhanh, xa, tiện nghi.

*Du lịch bằng xe máy, xe đạp*: phù hợp và phát triển ở các điểm du lịch có địa hình tương đối bằng phẳng và gần điểm xuất phát, được giới trẻ ưa chuộng.

*Du lịch bằng tàu hoả*: tiện nghi, an toàn, nhanh, rẻ, đi được xa và vận chuyển được nhiều người.

*Du lịch bằng ô tô*: là loại hình du lịch phổ biến nhất: nhanh, có điều kiện gần gũi với thiên nhiên, có thể dừng ở bất kỳ điểm du lịch nào,...

*Du lịch tàu thủy*: phát triển ở những nước có bờ biển đẹp, nhiều vịnh, đảo, hải cảng, sông hồ với tiện nghi hiện đại để phục vụ mọi nhu cầu của khách.

*Du lịch vũ trụ*: khách được sử dụng phương tiện vận chuyển là tàu vũ trụ và đi vào khoảng không gian ngoài Trái Đất. Loại hình du lịch này yêu cầu khách bỏ ra chi phí lớn, phải đạt được một số tiêu chí khắt khe mới có thể tham gia được.

#### 1.4.8. Căn cứ vào phương thức hợp đồng.

*Chương trình du lịch trọn gói:* là chương trình được doanh nghiệp kết hợp các dịch vụ liên quan trong quá trình thực hiện chuyến đi du lịch thành một sản phẩm dịch vụ tổng hợp chào bán theo một mức giá - giá trọn gói.

*Chương trình du lịch từng phần:* Là chương trình có mức giá chào bán tùy theo số lượng các dịch vụ thành phần cơ bản.

#### 1.5. Ảnh hưởng của du lịch tới các lĩnh vực khác

##### 1.5.1. Ảnh hưởng của du lịch tới kinh tế

*Một là,* trên bình diện chung hoạt động du lịch phát triển sẽ đem lại nguồn thu ngoại tệ cho quốc gia, cho phép xuất khẩu tại chỗ những hàng hoá của nhiều ngành kinh tế theo giá bán lẻ cao hơn. Hàng hoá không phải chịu hàng rào thuế quan mậu dịch. Do là xuất khẩu tại chỗ nên có thể xuất được những hàng hoá mà theo những con đường xuất khẩu thông thường là khó bảo quản được: rau, hoa quả...

*Hai là,* Mở ra khả năng thu hút, sử dụng sức lao động nhàn rỗi. Các dự án quy hoạch phát triển du lịch tạo nhiều việc làm từ khi xây dựng cho đến khi dự án đi vào hoạt động, bao gồm cả lao động trực tiếp và gián tiếp.

*Ba là,* hoạt động du lịch phát triển góp phần quảng bá sản xuất tại địa phương như « đánh thức » các nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền.

*Bốn là,* tăng nguồn thu cho ngân sách quốc gia thông qua các nguồn thu trực tiếp hoặc gián tiếp từ du lịch: thuế thu nhập từ các nhà kinh doanh du lịch; nhân viên du lịch; thuế từ khách du lịch (khách phải trả thuế hải quan, thuế nhập cảnh, lưu trú hoặc gián tiếp là thuế doanh thu khi mua hàng hoá, dịch vụ). Ngành du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành kinh tế, vì vậy, phát triển du lịch sẽ thúc đẩy nhiều ngành kinh tế - xã hội khác phát triển.

##### 1.5.2. Ảnh hưởng của du lịch tới văn hoá, xã hội

Du lịch có vai trò giữ gìn, phục hồi sức khoẻ và tăng cường sức sống cho người dân. Du lịch ngày nay đã trở thành một loại nhu cầu phổ biến của đông đảo người dân. Đồng thời, du lịch còn giúp du khách mở rộng kiến thức, hiểu biết thêm về các vùng, địa phương khác.

Ngoài ra, du lịch đánh thức các làng nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền của các dân tộc. Các làng nghề truyền thống với các sản phẩm độc đáo thiết thực luôn đem lại lợi ích kinh tế cho người lao động. Sản phẩm làng nghề không chỉ phục vụ đặc lực cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân mà giờ đây chúng

đã trở thành những sản phẩm có giá trị xuất khẩu, mang lại thu nhập cao hơn cho người lao động, mang lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

### 1.5.3. Ảnh hưởng của du lịch tới môi trường tự nhiên

Du lịch phát triển góp phần bảo tồn các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên. Du lịch thúc đẩy việc nghiên cứu, phát hiện, công nhận thêm các vườn quốc gia, các khu bảo tồn mới; tăng cường đầu tư xây dựng thêm các khu vui chơi, khu giải trí mới. Hoạt động du lịch phát triển đúng hướng sẽ góp phần tăng khối lượng và chất lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đầu tư du lịch góp phần làm giàu rừng tự nhiên thông qua các dự án trồng rừng, bổ sung rừng nghèo, khoanh nuôi tái sinh rừng đang có nguy cơ bị suy kiệt; tăng diện tích rừng nhân tạo ở những khu vực trọng điểm. Thu nhập từ vé vào các công viên, rừng quốc gia, vườn sinh thái có thể được dùng để chi trả cho việc bảo vệ và quản lý các hệ sinh thái nhạy cảm, góp phần làm giàu đa dạng sinh học, làm phong phú thêm các hệ sinh thái bằng cách bổ sung thêm các loài thực động vật mới.

Hoạt động du lịch góp phần nâng cao giá trị tài nguyên – môi trường. Giá trị của đầm phá, khu rừng được tăng lên vì cùng với sự phát triển du lịch, người ta như thấy thêm được giá trị cảnh quan, giá trị nghỉ ngơi, thư giãn cho khách du lịch. Du lịch góp phần gia tăng nhận thức đối với môi trường thông qua việc tiếp xúc gần gũi với thiên nhiên và môi trường. Sự tiếp xúc này khiến cho du khách có thể nhận thức khá đầy đủ các giá trị của thiên nhiên và có những hành vi, hoạt động có ý thức bảo vệ môi trường.

## 1.6. Quản lý Nhà nước về du lịch tại Việt Nam

### 1.6.1. Nguyên tắc quản lý.

Quản lý Nhà nước về du lịch ở Việt Nam thực hiện theo những nguyên tắc sau:

Định hướng cho hoạt động du lịch phát triển tích cực, vẫn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế song vẫn giữ gìn các giá trị truyền thống và bảo tồn tài nguyên du lịch của đất nước.

Hình thành và hoàn thiện môi trường pháp lý toàn diện, ổn định cho hoạt động du lịch trong cả nước, cho từng vùng và từng địa phương cụ thể.

Dung hoà mối quan hệ và lợi ích giữa du lịch với các ngành kinh tế khác; đảm bảo hài hoà về quyền lợi giữa cộng đồng dân cư, nhà đầu tư du lịch và khách du lịch.



### 1.6.2. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về du lịch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về du lịch; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch; danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia;
- b) Điều phối, liên kết các hoạt động du lịch liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh;
- c) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về du lịch;
- d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch phổ biến, giáo dục pháp luật về du lịch;
- đ) Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực du lịch; hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực du lịch;
- e) Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch;
- g) Thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài;
- h) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép, thẻ hướng dẫn viên du lịch và các văn bản chứng nhận khác về hoạt động du lịch;
- i) Xã hội hóa hoạt động đầu tư, phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch;
- k) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch.

### ❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Các khái niệm cơ bản: du lịch, du khách, nhu cầu du lịch, sản phẩm du lịch.
- Sơ lược về sự hình thành, phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam
- Một số tổ chức du lịch hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam.
- Các loại hình du lịch căn cứ theo các tiêu chí khác nhau
- Ảnh hưởng của du lịch tới các lĩnh vực khác: kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường tự nhiên.

- Quản lý Nhà nước về du lịch tại Việt Nam: nguyên tắc quản lý, hệ thống tổ chức bộ máy và nội dung quản lý nhà nước về du lịch.

❖ **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1**

**Câu hỏi 1.** Phân tích các đặc điểm của nhu cầu du lịch. Cho ví dụ minh họa.

**Câu hỏi 2.** Trình bày các loại hình du lịch theo các cách phân loại khác nhau.

**Câu hỏi 3.** Phân tích các đặc điểm của sản phẩm du lịch. Cho ví dụ minh họa.

**Câu hỏi 4.** Trình bày những tác động của hoạt động du lịch đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường. Liên hệ thực tế tại Việt Nam.

## CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2

Chương 2 là chương giới thiệu chung về các điều kiện bên trong và bên ngoài để phát triển hoạt động du lịch, những yêu cầu đối với lao động trong lĩnh vực du lịch. Nội dung chương giúp người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

### ❖ MỤC TIÊU

#### \* Về kiến thức

- + Trình bày và phân tích được các điều kiện nền tảng chung trong phát triển du lịch.
- + Trình bày và phân tích được các điều kiện có tính chất đặc trưng để các quốc gia, các vùng du lịch có thể phát triển hoạt động du lịch.
- + Trình bày được những yêu cầu đối với lao động trong lĩnh vực du lịch.

#### \* Về kỹ năng

- + Nhận diện được tầm quan trọng của kỹ năng thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin;
- + Nhận diện được các điều kiện bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động du lịch.

#### \* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- + Lựa chọn được những yêu cầu quan trọng đối với lao động trong lĩnh vực du lịch.
- + Tiếp nhận tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ bài học được giao.

### ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 2 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

## ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

### - Nội dung:

+ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*

+ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

+ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*

+ *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*

+ *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*

+ *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

### - Phương pháp:

+ *Điểm kiểm tra thường xuyên: 01 bài kiểm tra viết*

+ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 2

### 2.1. Các điều kiện bên ngoài ngành du lịch

#### 2.1.1. Tài nguyên du lịch

##### *Tài nguyên du lịch tự nhiên*

##### Khái niệm

Theo Luật Du lịch năm 2017: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

Các yếu tố cấu thành nên tài nguyên du lịch tự nhiên:

\* **Địa hình- địa mạo:** là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng của phong cảnh của nơi đó. Đối với du lịch, các dạng địa hình có tính đa dạng, tương phản và độc đáo là nguồn tài nguyên du lịch có giá trị rất lớn.

**Địa hình đồi núi:** Địa hình đồi núi thường tạo ra không gian thoáng đãng, nơi tập trung dân cư tương đối đông đúc, tập trung nhiều di tích khảo cổ và tài nguyên văn hóa, lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch tham quan theo chuyên đề. Địa hình núi thuận lợi cho tổ chức du lịch mùa đông và các loại hình du lịch thể thao như leo núi, du lịch sinh thái.

**Địa hình Karst:** Địa hình Karst được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hòa tan (đá vôi, đolômit, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...). Đây là

dạng địa hình được cấu thành bởi nhiều yếu tố như sông, núi, thung lũng, suối, hang..., đáp ứng được xu hướng muốn khám phá những điều bí ẩn, muốn khẳng định và thể hiện bản thân của du khách. Dạng địa hình này là tiền đề tạo ra các loại hình du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao mạo hiểm núi...

*Địa hình Đồi bằng* tương đối đơn điệu về ngoại cảnh nhưng là nơi tập trung tài nguyên du lịch nhân văn, đặc biệt, là các di tích lịch sử văn hoá, nơi hội tụ các nền văn minh của loài người. Loại địa hình này kết hợp với tài nguyên du lịch nhân văn sẽ phát triển các loại hình du lịch homestay, du lịch trải nghiệm và du lịch văn hóa.

*Địa hình ven biển:* Sức hấp dẫn ở đây là những dải ven biển hẹp, bãi cát thoải, rừng cây chắn sóng, kết hợp với các yếu tố khí hậu phù hợp, thích hợp phát triển các loại hình du lịch nghỉ biển, thể thao mạo hiểm biển, du lịch tham quan dưới nước...

\* Khí hậu là nhân tố quan trọng kiểm soát môi trường tự nhiên, ảnh hưởng đến đất đai, động thực vật và các quá trình hoạt động địa mạo. Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng trong việc phát triển du lịch, nó tác động tới du lịch ở hai phương diện: Ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch; Một trong những nhân tố chính tạo nên tính mùa vụ du lịch.

Trong hoạt động du lịch, các điều kiện khí hậu khác nhau sẽ có các loại hình du lịch tương ứng: Những nơi có khí hậu ôn hoà, không quá lạnh, quá nóng... thích hợp cho sự phát triển của nhiều loại hình du lịch: du lịch chữa bệnh, tham quan, công vụ, văn hoá...; Những vùng có khí hậu nóng, nhiều ánh nắng kết hợp với một số yếu tố khác thích hợp cho sự phát triển của loại hình du lịch biển, du lịch thể thao biển mạo hiểm... ; Những vùng có khí hậu lạnh, lớp tuyết dày thích hợp cho du lịch thể thao mùa đông, tham quan... Đặc biệt, những vùng có địa hình đồi núi kết hợp với khí hậu hàn đới sẽ là điểm thu hút đối với các đối tượng khách ưa các môn chơi thể thao mạo hiểm: trượt tuyết, leo núi,...

\* Tài nguyên nước: Đối với đời sống con người, nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá. Đối với du lịch, nước cũng được coi là tài nguyên quý giá có sức hấp dẫn nhất định với du khách, đặc biệt là tài nguyên nước mặt và nước khoáng.

*Nguồn tài nguyên nước mặt:* Các nguồn tài nguyên nước mặt như: sông, hồ, ao, đầm... vừa tạo điều kiện để điều hòa không khí, phát triển mạng lưới giao thông và nếu kết hợp với cảnh quan đa dạng ven bờ sẽ là sức hấp dẫn lớn đối với

du khách có nhu cầu thưởng thức không khí yên tĩnh, trong lành, đồng thời muốn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp xung quanh.

Bên cạnh đó, nước ta còn có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đồng đều trên lãnh thổ. Dọc bờ biển, cứ khoảng 20km gặp một cửa sông, có khoảng 2.360 con sông có chiều dài trên 10 km trở lên. Điều này thuận lợi cho việc phát triển du lịch đi thuyền thưởng ngoạn cảnh vật ở hai bên bờ sông kết hợp với thưởng thức ẩm thực và liên hoan văn nghệ. Bờ biển rộng kết hợp với mạng lưới sông ngòi dày đặc là nguồn cung cấp những sinh vật có giá trị phục vụ văn hóa ẩm thực và xuất khẩu du lịch tại chỗ. Nguồn tài nguyên này là tiền đề để phát triển các loại hình du lịch sông nước hoặc làm tăng thêm sức hấp dẫn cho các chương trình du lịch.

*Nguồn tài nguyên nước khoáng.* Với tư cách là tài nguyên du lịch, nước khoáng là nước thiên nhiên (chủ yếu là nước dưới đất) có chứa một số thành phần vật chất đặc biệt hoặc có một số tính chất vật lý có tác dụng đối với sức khỏe của khách du lịch. Thông thường các suối nước nóng đều nằm trong khu vực có cảnh quan thiên nhiên nên du khách tới đây vừa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên vừa kết hợp với việc chữa bệnh và nghỉ dưỡng.

\* Hệ động thực vật hoang dã

Các loài động thực vật hoang dã đã có sức hấp dẫn nhất định đối với khách du lịch. Hệ động thực vật hoang dã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của du lịch chủ yếu nhờ sự đa dạng và tính đặc hữu, những loài động thực vật không có ở đất nước họ thường có sức hấp dẫn mạnh. Tính hấp dẫn của hệ động thực vật hoang dã được biểu hiện của sự đa dạng về chủng loại các loài động thực vật và tính đặc hữu thể hiện ở sự hiếm, quý, sắp bị diệt chủng của các loài động thực vật đã được ghi trong sách đỏ.

Nơi tập trung nhiều động thực vật hoang dã nhất là các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên. Đây chính là nguồn tài nguyên để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên...

\* Vị trí địa lý: là khoảng cách từ điểm du lịch đến các nguồn khách du lịch có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kinh doanh du lịch, đặc biệt là các nước, các vùng nhận khách. Vị trí địa lý tác động đến khả năng phát triển du lịch ở các góc độ: điều kiện và khả năng tiếp cận đến nguồn cung du lịch bằng các loại phương tiện khác nhau.

*Tài nguyên du lịch văn hóa (nhân văn)*

Giá trị văn hóa, lịch sử, các thành tựu chính trị và kinh tế có ý nghĩa đặc trưng cho sự phát triển du lịch ở một số địa điểm, một số vùng hoặc đất nước. Chúng có sức hấp dẫn đặc biệt với số đông khách du lịch với nhiều nhu cầu và mục đích khác nhau của các chuyến du lịch.

Tiềm năng du lịch văn hóa là đối tượng và hiện tượng văn hóa lịch sử do con người sáng tạo ra trong đời sống. So với tiềm năng du lịch tự nhiên, tiềm năng du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn, giá trị giải trí là thứ yếu. Tiềm năng du lịch nhân văn thường tập trung ở các thành phố lớn, là đầu mối giao thông và là nơi tập trung cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Đại bộ phận tài nguyên du lịch văn hóa không có tính mùa vụ, không bị phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên tần suất hoạt động của nó là rất lớn (lượng khách, số ngày khách đến).

Khái niệm:

Tài nguyên du lịch văn hóa là các sản phẩm do con người sáng tạo ra cùng các giá trị của chúng có sức hấp dẫn đối với khách du lịch hoặc được khai thác đáp ứng cầu du lịch.

Theo Luật Du lịch 2017, tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

Các thành tố cấu thành nên tài nguyên du lịch văn hóa

\* Di sản văn hoá vật thể (*hữu hình*)

Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất do con người sáng tạo ra có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học trong đời sống của các tầng lớp nhân dân.

*Các thành tố tiêu biểu của di sản văn hoá vật thể.* Cũng theo Luật di sản Văn hoá, thì hệ thống di sản văn hoá được cấu thành bởi nhiều thành tố mang những giá trị tiêu biểu:

+ *Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá*

*Di tích lịch sử văn hoá là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa xã hội.*

*Di tích lịch sử* là các công trình gắn với các sự kiện, danh nhân lịch sử văn hoá.

*Hệ thống các bảo tàng* là nơi bảo tồn tài sản văn hoá dân tộc, truyền thụ tri thức, chấn hưng tinh hoa truyền thống. Cùng với việc bảo vệ các di tích lịch sử – Văn hoá, việc xây dựng các bảo tàng luôn đặt trong quốc sách về kinh tế, văn hoá, xã hội mỗi quốc gia.

*Hệ thống các di tích kiến trúc nghệ thuật* là những công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc hội hoạ hoặc tổng thể kiến trúc đô thị chứa đựng những giá trị tín ngưỡng, tôn giáo và nghệ thuật tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. Các công trình này là nguồn tài nguyên nhân văn quý giá của các quốc gia, là tiền đề để phát triển các loại hình du lịch văn hóa, nghiên cứu chuyên đề. Hệ thống này bao gồm: *Kiến trúc tôn giáo* (Những công trình kiến trúc mang những giá trị kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật đặc trưng cho từng tôn giáo); *Thành lũy quân sự* (Các cuộc chiến tranh trong quá trình dựng nước giữ nước dẫn đến sự ra đời của các thành lũy phục vụ cho mục đích quân sự); *Công trình kiến trúc độc đáo* (những công trình mang giá trị kiến trúc độc đáo, đó có thể là một lăng mộ, một cung điện hay thậm chí là một khu phố); *Di chỉ khảo cổ* (hay còn được gọi là các cơ tầng văn hoá, là những dấu tích vật chất có liên quan đến quá trình tồn tại và phát triển của một cộng đồng dân cư, một dân tộc hay một giai đoạn tiến hoá của loài người. Đó có thể là dấu tích minh chứng cho một nền văn minh đã từng tồn tại với những thành tựu về khoa học, mỹ thuật, sản xuất, âm nhạc,...);

+ *Các khu danh lam thắng cảnh* là những công trình kiến trúc kết hợp với cảnh quan tự nhiên có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách.

### 2.1.2. Điều kiện kinh tế

+ *Ngành nông nghiệp*: Ngành du lịch tiêu thụ một khối lượng rất lớn lương thực và thực phẩm (cả thực phẩm tươi sống và thực phẩm đã qua chế biến) có chất lượng cao cho các cơ sở phục vụ ăn uống trong kinh doanh du lịch.

Sự phát triển của hai ngành kinh tế này có ý nghĩa đặc biệt với du lịch trong việc thoả mãn các nhu cầu thiết yếu hàng ngày trong chuyến đi du lịch của khách. Đặc biệt, nông nghiệp cung cấp nguồn lương thực cho hệ thống các khách sạn, nhà hàng phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách.

Ngày nay, người tiêu dùng luôn coi trọng yếu tố về vệ sinh an toàn thực phẩm, điều đó lại càng được coi trọng khi tham gia các chuyến đi du lịch nhằm đảm bảo cho vấn đề sức khỏe và tâm lý yên tâm khi thưởng thức văn hóa ẩm thực tại các điểm đến và trên hành trình tham quan.

+ *Ngành công nghiệp*:



Ngành công nghiệp thực phẩm: Cung cấp nhiều hàng hoá nhất cho ngành du lịch với các mặt hàng quan trọng như: đường, sữa, bơ, đồ ăn uống đóng hộp, rượu, bia... và các sản phẩm này cũng phải thoả mãn được các yếu tố sau: Phải được sản xuất trên dây chuyền hiện đại để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định; Vệ sinh thực phẩm phải đặt lên hàng đầu, nhất là trong khâu chế biến khi phải sử dụng chất phụ gia để bảo quản thực phẩm; Mẫu mã phải đảm bảo được tính thẩm mỹ: Do khi đi du lịch khách không chỉ thưởng thức ăn uống bằng vị giác mà còn cả bằng thị giác.

+ *Một số ngành công nghiệp nhẹ khác:*

Công nghiệp dệt: cung cấp các sản phẩm vải để trang bị cho các nhà hàng, khách sạn, văn phòng: các loại khăn trải bàn, ga giường, gối, rèm, thảm,... Vừa đáp ứng yêu cầu về thẩm mỹ vừa đảm bảo yếu tố về vệ sinh...

Công nghiệp chế biến gỗ: cung cấp đồ gỗ cao cấp trang bị cho các văn phòng, cơ sở lưu trú, nhà hàng như giường tủ, bàn ghế, kệ, tranh khảm trang trí... Trong du lịch, việc sử dụng đồ dùng phải đồng bộ, đạt độ bền, an toàn và tiện lợi để đảm bảo việc phục vụ khách du lịch đạt hiệu quả cao nhất.

Công nghiệp gốm, sứ, thuỷ tinh: cung cấp đồ dùng phục vụ chủ yếu cho các cơ sở kinh doanh ăn uống: đồ dùng trong nhà bếp, phục vụ trên bàn ăn cho khách.

+ *Bưu chính viễn thông*

Hoạt động bưu chính gồm các hoạt động đầu tư, kinh doanh, cung ứng, sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích, tem bưu chính. Viễn thông là việc gửi, truyền, nhận và xử lý ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng đường cáp, sóng vô tuyến điện, phương tiện quang học và phương tiện điện từ khác". Trong phát triển du lịch, hệ thống bưu chính viễn thông đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi phục vụ khách du lịch một cách hiệu quả nhất.

### 2.1.3. Điều kiện an ninh chính trị và an toàn xã hội

Tình hình chính trị, hòa bình ổn định của đất nước là tiền đề cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của một quốc gia đồng thời là một điều kiện rất quan trọng để phát triển du lịch. Đối với khách du lịch quốc tế, trước khi đi du lịch họ đều tìm hiểu mức độ an toàn của quốc gia có điểm đến để đảm bảo an toàn nhất với họ. Thông thường, khách du lịch sẽ ít lựa chọn đến các khu vực, các quốc gia có thể gây nguy hại cho tính mạng của họ, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn,

khủng bố, bắt cóc; nơi thường xuyên có thiên tai xảy ra (lũ lụt, động đất, sóng thần...).

Bầu không khí chính trị hòa bình sẽ kích thích sự phát triển du lịch quốc tế. Một thế giới bất ổn về chính trị, xung đột về sắc tộc, tôn giáo ảnh hưởng tới hoạt động du lịch tức là không làm tròn “sứ mệnh” đối với du lịch gây nên nỗi hoài nghi, tâm lý sợ hãi cho du khách. Bên cạnh đó, những cuộc nội chiến, những cuộc chiến tranh xâm lược với nhiều trang thiết bị vũ khí hiện đại, lợi hại sẽ làm hủy hoại giá trị của tài nguyên du lịch, đặc biệt là những di sản văn hóa vật thể và các vùng du lịch tự nhiên nhạy cảm.

Thiên tai, dịch họa sẽ ảnh hưởng đến khả năng cung cấp và thoả mãn nhu cầu du lịch của du khách đặc biệt là ảnh hưởng đến tâm lý lo sợ sự lây nhiễm các loại bệnh tật truyền nhiễm vốn là hệ quả của chúng: dịch tả, cúm,...

#### 2.1.4. Các chính sách phát triển du lịch

Chính sách phát triển du lịch là chìa khóa dẫn đến thành công trong việc phát triển du lịch. Những chính sách này có thể kìm hãm nếu đường lối sai với thực tế. Chính sách phát triển du lịch được thể hiện ở hai mặt: chính sách chung của Tổ chức du lịch thế giới đối với các nước thành viên; chính sách của cơ quan quyền lực tại địa phương, quốc gia đó. Mặt thứ hai có ý nghĩa quan trọng hơn cả vì nó huy động được sức người, căn cứ vào khả năng thực tế tại mỗi vùng, quốc gia đó để đưa ra chính sách phù hợp.

#### 2.1.5. Các điều kiện chủ quan của du khách

*Thời gian nhàn rỗi* là thời gian mà mỗi người được tự do sử dụng nó để tham gia các hoạt động hoặc nghỉ ngơi, giải trí... theo đúng ý thích của người đó. Theo nghĩa đó, thời gian nhàn rỗi còn được gọi là thời gian tự do chi phối. Nhìn chung, do những tiến bộ khoa học công nghệ và toàn cầu hóa, cạnh tranh kinh tế, nhóm thời gian làm công việc gia đình ngày càng giảm, thời gian nhàn rỗi ngày càng tăng.

Xu hướng chính trong những năm gần đây chính là giảm thời gian làm việc và tăng thời gian nghỉ ngơi đã thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển và trở thành một hiện tượng xã hội phổ biến, một ngành kinh tế chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thời gian nhàn rỗi và hình thức hoạt động gắn với thời gian rỗi của mỗi người là một trong các chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng cuộc sống và là nhân tố quan trọng kích thích nhu cầu đi du lịch.

### 2.1.6. Các điều kiện khác

*Các điều kiện về tổ chức.* Sự có mặt của bộ máy quản lý nhà nước về du lịch (quản lý vĩ mô). Sự có mặt của các tổ chức và doanh nghiệp chuyên trách về du lịch (quản lý vi mô).

*Các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội* là những phương tiện vật chất không phải do các tổ chức du lịch xây dựng lên mà là của toàn xã hội. Là yếu tố cơ sở nhằm khai thác tiềm năng du lịch, quyết định nhịp độ phát triển du lịch và trong chừng mực nào đó còn quyết định chất lượng sản phẩm du lịch. Bao gồm: Hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc, nhà ga, sân bay, bến cảng, đường sắt, công viên của toàn dân, mạng lưới thương nghiệp của khu dân cư, hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống cấp thoát nước, viện bảo tàng...

## 2.2. Các điều kiện bên trong ngành du lịch

### 2.2.1. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là yếu tố đảm bảo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện. Mỗi ngành, mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh để có thể hoạt động đòi hỏi phải có một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng. Điều này cũng nhấn mạnh sự phù hợp giữa cơ sở vật chất kỹ thuật với đặc trưng của từng ngành nghề, từng lĩnh vực. Ngành du lịch cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được tạo ra lại là yếu tố quan trọng tác động đến mức độ thỏa mãn nhu cầu của du khách bởi năng lực và tính tiện ích của nó. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là yếu tố quan trọng, không thể thiếu để cấu thành nên sản phẩm du lịch. Ngoài yếu tố tài nguyên thì tính đa dạng, phong phú, hiện đại, hấp dẫn của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cũng tạo nên tính đa dạng, phong phú và hấp dẫn của các dịch vụ du lịch. Có thể nói rằng trình độ phát triển của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là điều kiện, đồng thời cũng là sự thể hiện trình độ phát triển du lịch của một đất nước.

### 2.2.2. Đặc điểm của cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

#### *Tính đồng bộ trong xây dựng và sử dụng*

Đặc điểm này xuất phát từ tính tổng hợp của nhu cầu du lịch, bao gồm cả nhu cầu thiết yếu, nhu cầu đặc trưng và nhu cầu bổ sung. Để thỏa mãn đầy đủ các nhu cầu của khách, đòi hỏi có sự đồng bộ các yếu tố về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Tính đồng bộ được hiểu trên ba khía cạnh:

## *Chi phí cho cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh du lịch*

Theo thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới thì việc đầu tư cho lĩnh vực kinh doanh du lịch mà trực tiếp là khách sạn có vốn đầu tư tương đối cao.

### 2.2.3. Điều kiện về lao động trong du lịch.

#### 2.2.3.1. Đặc điểm

+ Lao động trong du lịch bao gồm sản xuất vật chất và lao động sản xuất phi vật chất, trong đó lao động sản xuất phi vật chất chiếm tỉ trọng lớn. Lao động trong du lịch chủ yếu là lao động tạo ra các dịch vụ, lao động sản xuất phi vật chất. Trong xã hội, lao động tác động trực tiếp lên đối tượng lao động để tạo ra sản phẩm vật chất gọi là lao động dẫn xuất vật chất: ví dụ như lao động trong nhà bếp của các nhà hàng... Tuy nhiên, do đặc điểm của sản phẩm du lịch phần lớn là dịch vụ nên đại bộ phận lao động trong ngành du lịch là lao động trong các lĩnh vực dịch vụ (*sử dụng sức lao động, thái độ của mình để làm vừa lòng khách tạo ra các sản phẩm dịch vụ*): nhân viên phục vụ buồng, phục vụ bàn, lễ tân, hướng dẫn viên du lịch...

+ Lao động trong du lịch có tính chuyên môn hóa cao. Mỗi bộ phận lao động thực hiện từng khâu, công đoạn trong chu trình phục vụ khách du lịch. Kết quả hoạt động của một bộ phận nào đó đều có thể ảnh hưởng dây chuyền đến các bộ phận khác trong toàn bộ hệ thống. Vì vậy, các nhóm lao động trong ngành du lịch có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Lao động trong du lịch phần lớn là lao động kỹ thuật, đòi hỏi có sự chuẩn bị nghiệp vụ cao. Đặc biệt là ở các cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống: nghiệp vụ buồng, bar, bếp, lễ tân... Tính chuyên môn hoá còn được thể hiện ở từng khâu phục vụ: quy trình đón tiếp và phục vụ khách của bộ phận lễ tân hoặc quy trình làm vệ sinh phòng của nhân viên buồng...

#### 2.2.3.2. Yêu cầu

##### *Yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ*

Do du lịch là nhu cầu cao cấp của con người nên khi đi du lịch, du khách luôn đòi hỏi phải được phục vụ với chất lượng cao, trong khi đó chất lượng phục vụ trong ngành du lịch lại phụ thuộc chủ yếu vào lao động sống.

Người lao động phải có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn thành thạo, có kỹ năng nghề nghiệp cao một mặt giúp phục vụ du khách một cách tốt nhất, mặt khác giúp họ làm quen với những phương tiện tiên tiến, từ đó khai thác một cách hiệu quả các tài nguyên du lịch, các cơ sở phục vụ du lịch và quản lý tốt quá trình này.

Một hướng dẫn viên du lịch để phục vụ tốt du khách ngoài các kỹ năng về nghiệp vụ hướng dẫn ra còn cần phải có một vốn kiến thức phong phú ở nhiều lĩnh vực của đời sống: văn hoá, xã hội, lịch sử, âm nhạc...

Kiến thức vững và luôn được cập nhật mới. Trong thời đại mới, với sự hỗ trợ của công nghệ, sự hiểu biết và việc thu thập thông tin của khách du lịch ngày càng cao và dễ dàng. Vì vậy, nếu chỉ dừng ở trình độ kiến thức vốn có thì không thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của du khách. Kiến thức của cán bộ quản lý, nhân viên ngành du lịch phải sâu sắc, uyên thâm và kết nối được với nhiều lĩnh vực khoa học, nhiều ngành nghề, nhiều nền văn hóa khác nhau, phải không ngừng học hỏi, cập nhật những kiến thức mới, thông tin mới.

#### *Trình độ ngoại ngữ*

Yêu cầu này xuất phát từ sự quan trọng của vấn đề giao tiếp giữa lao động với du khách đặc biệt là du khách quốc tế. Trình độ ngoại ngữ tốt sẽ giúp người lao động có thể giao tiếp trực tiếp với du khách để hiểu được những mong muốn của khách và để truyền đạt những yêu cầu, kiến thức cần thiết trong cuộc hành trình, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

### ❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Các điều kiện bên ngoài ngành du lịch: tài nguyên, kinh tế, an ninh chính trị và an toàn xã hội, chính sách, các điều kiện khác.
- Các điều kiện bên trong ngành du lịch: cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động

### ❖ CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2

**Câu hỏi 1.** Trình bày các điều kiện chung để phát triển du lịch. Cho ví dụ minh họa.

**Câu hỏi 2.** Phân tích vai trò của điều kiện tài nguyên du lịch trong phát triển du lịch. Liên hệ thực tế.

**Câu hỏi 3.** Phân tích vai trò và đặc điểm của cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh du lịch.

**Câu hỏi 4.** Trình bày các đặc điểm và yêu cầu đối với lao động trong du lịch. Liên hệ với ngành nghề được đào tạo

## CHƯƠNG 3. THỜI VỤ DU LỊCH

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 3

Chương 3 là chương giới thiệu chung về thời vụ trong du lịch và các biện pháp khắc phục tính thời vụ trong hoạt động du lịch. Nội dung chương giúp người học để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những môn học tiếp theo.

### ❖ MỤC TIÊU

#### \* Về kiến thức

- + Trình bày được khái niệm và đặc điểm của thời vụ du lịch.
- + Phân tích được những nhân tố tác động đến tính thời vụ trong du lịch.
- + Phân tích được những tác động bất lợi của thời vụ du lịch, từ đó đề xuất được một số giải pháp khắc phục tính bất lợi của thời vụ trong du lịch.

#### \* Về kỹ năng

- + Nhận diện được tầm quan trọng của kỹ năng thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin;
- + Nhận diện được các yếu tố tác động đến tính thời vụ trong hoạt động du lịch.

#### \* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- + Lựa chọn và cân nhắc các biện pháp hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ trong du lịch.
- + Tiếp nhận tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ bài học được giao.

### ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 3

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 3 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 3) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 3 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 3

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 3

**- Nội dung:**

+ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*

+ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

+ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*

+ *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*

+ *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*

+ *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

**- Phương pháp:**

+ *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*

+ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 01 bài kiểm tra viết*

**❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 3**

3.1. Khái niệm và đặc điểm thời vụ du lịch.

3.1.1. Khái niệm thời vụ du lịch.

Nhìn dưới góc độ xã hội, hoạt động du lịch mang tính nhịp điệu khá rõ nét. Tại một điểm du lịch cụ thể, có thể quan sát thấy cường độ của hoạt động này không đồng đều theo thời gian. Có những giai đoạn hầu như không có khách và ngược lại, có những giai đoạn nhất định dòng du khách đổ về quá sức chịu tải của khu vực. Hiện tượng có hoạt động lặp lại khá đều đặn vào một số thời điểm trong năm được gọi là mùa hay thời vụ du lịch.

Dưới con mắt của các nhà kinh tế du lịch, thời vụ du lịch có thể hiểu là những biến động lặp đi lặp lại hàng năm của cung và cầu du lịch xảy ra dưới tác động của một số nhân tố xác định. Trong thực tế, thời vụ du lịch của một trung tâm hoặc một đất nước nào đó là tập hợp của hàng loạt các biến động theo mùa của cung và cầu cũng như sự tác động tương hỗ giữa chúng trong tiêu dùng du lịch. Đồ thị biểu diễn biến động thời vụ của hoạt động một loại hình du lịch tại một địa phương nào đó là đường cong tạo bởi tập hợp các điểm có giá trị tung độ là số lượng khách và hoành độ là các thời điểm trong một chu kỳ kinh doanh.

Cung du lịch mang tính tương đối ổn định về lượng trong năm còn cầu du lịch lại thường xuyên biến động do phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau. Cho nên, nếu lượng cầu dao động quá lớn thì lượng cung không thể nào đáp ứng được.

Khi xem xét tính thời vụ của một khu vực, một đất nước nào đó cần chú ý đến những loại hình du lịch được kinh doanh tại đó là gì. Mỗi một loại hình du

lịch có một đặc điểm khác nhau vì vậy thời vụ du lịch cũng diễn ra khác nhau. Vì thế, tính thời vụ của một vùng sẽ là tập hợp các dao động theo mùa của cung và cầu các loại hình du lịch được phát triển ở đó.

Vậy: “Thời vụ du lịch là khoảng thời gian của một chu kỳ kinh doanh, mà tại đó có sự tập trung cao nhất của cung và cầu du lịch”.

Sự dao động của cung và cầu du lịch đó đã tạo ra các mùa du lịch trong năm. Cường độ nhu cầu du lịch không giống nhau giữa các tháng trong năm tạo ra các thời kì có lượng cầu khác nhau, đó là các mùa du lịch. Bao gồm:

- Mùa du lịch chính: là khoảng thời gian có cường độ tiếp nhận khách du lịch cao nhất.

- Trước mùa du lịch chính: là khoảng thời gian có cường độ tiếp nhận khách du lịch thấp hơn mùa chính, xảy ra trước mùa chính.

- Sau mùa du lịch chính (cuối vụ): là khoảng thời gian có cường độ tiếp nhận khách du lịch thấp hơn mùa chính, xảy ra sau mùa chính.

- Ngoài mùa du lịch: là khoảng thời gian có cường độ tiếp nhận khách du lịch thấp nhất.

### 3.1.2. Các đặc điểm của thời vụ du lịch.

Thời gian và cường độ của thời vụ du lịch không phải là cố định, mà chúng biến đổi dưới tác động của nhiều nhân tố. Dưới sự tác động của những nhân tố khác nhau thời vụ du lịch có nhiều đặc điểm riêng. Bao gồm các đặc điểm quan trọng sau:

#### *\* Thời vụ du lịch mang tính phổ biến*

Bất kỳ một vùng, một quốc gia có kinh doanh du lịch đều có tính thời vụ. Điều đó được biểu hiện rõ rệt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và lượng khách đến mỗi vùng, địa phương và quốc gia giữa các thời điểm trong tuần, tháng, năm không đều nhau.

#### *\* Đặc điểm về độ dài và cường độ của thời vụ du lịch*

Mỗi vùng, mỗi quốc gia do đặc điểm từng loại hình du lịch, đặc điểm hoạt động kinh doanh, trình độ phát triển và đặc điểm tiêu dùng của khách nên sẽ có cường độ và độ dài của thời vụ du lịch khác nhau.

+ *Do việc khai thác các loại hình du lịch khác nhau*



Một nước hoặc một vùng du lịch có thể có một hoặc nhiều thời vụ du lịch tùy thuộc vào việc khai thác các loại hình du lịch ở đó. Nếu một nước hay một địa phương chỉ khai thác và phát triển chủ yếu một loại hình du lịch dựa trên tài nguyên du lịch đặc trưng thì ở đó thường chỉ tồn tại một mùa du lịch. Tuy nhiên, có những địa phương do có sự đa dạng về tài nguyên du lịch và chính sách khai thác phát triển du lịch thì có thể tồn tại nhiều thời vụ du lịch.

+ *Do có sự khác biệt của các loại hình du lịch*

Điều này tùy thuộc vào mỗi loại hình du lịch vì mỗi loại hình du lịch thường bị chi phối bởi các nhân tố khác nhau. Ví dụ: Du lịch nghỉ biển (vào mùa hè), nghỉ núi có mùa ngắn hơn và cường độ mạnh hơn do phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên (khí hậu). Ngược lại, du lịch chữa bệnh thường có mùa dài hơn và cường độ mùa chính yếu hơn.

Giai đoạn mà ở đó quan sát thấy hoạt động du lịch có cường độ lớn nhất được gọi là *thời vụ chính* hay *chính vụ*. Trong thời gian này, số lượng du khách khá ổn định. Thời kỳ có cường độ nhỏ hơn ngay trước mùa chính là *đầu mùa* và ngay sau mùa chính được gọi là *cuối mùa*. Trong thời kỳ đầu mùa số lượng khách ngày hôm sau thường cao hơn ngày hôm trước, còn trong thời kỳ cuối vụ có hiện tượng ngược lại. Thời gian còn lại trong năm được gọi là *ngoài mùa*, nhiều nước gọi là *mùa chết*.

Tại bãi biển Sầm Sơn vào mùa tháng 6,7,8 là thời gian tắm biển đẹp nhất, nhiều người sẽ lựa chọn thời điểm này để đi tắm biển vì trùng vào thời gian nghỉ hè. Do vậy, vào thời gian này số lượng khách đến là đông nhất, cường độ thời vụ là mạnh nhất hoặc gọi là chính vụ du lịch. Vào tháng 4,5, 9,10 nước biển và thời tiết tương đối ấm, có thể tắm được nhưng lượng khách đến tắm biển và nghỉ ngơi sẽ thấp hơn chính vụ được gọi là trước mùa hoặc sau mùa. Các tháng 11,12,1,2,3 là tiết trời lạnh không phù hợp với tắm biển, được gọi là ngoài mùa (mùa chết).

+ *Do sự khác biệt về mức độ phát triển và kinh nghiệm kinh doanh du lịch*

Cùng kinh doanh một loại hình du lịch, với các điều kiện về tài nguyên du lịch tương đối như nhau thì ở các nước, các vùng, các cơ sở kinh doanh du lịch phát triển hơn, có kinh nghiệm kinh doanh tốt hơn thì thời vụ du lịch thường kéo dài hơn và cường độ của mùa du lịch yếu hơn. Ngược lại, các nước, vùng, cơ sở du lịch mới phát triển, chưa có nhiều kinh nghiệm kinh doanh (chính sách tiếp thị, quảng cáo chưa tốt) thường có mùa du lịch ngắn hơn và cường độ của mùa du lịch chính thể hiện mạnh hơn.

Như vậy, trong kinh doanh du lịch, ngoài một điều kiện tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách ra thì những điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ các nhu cầu thiết yếu của du khách, những chính sách nhằm quảng bá, thu hút du khách là một trong những yếu tố tạo nên độ dài của thời vụ du lịch.

*+ Cơ cấu của khách du lịch đến điểm du lịch*

Ở mỗi độ tuổi lao động, đều có những đặc điểm về tâm lý, hoàn cảnh sống, môi trường sống khác nhau. Điều này ảnh hưởng đến mức độ về nhu cầu đi du lịch của du khách đối với mỗi loại hình du lịch. Các trung tâm dành cho du lịch thanh, thiếu niên thường có mùa ngắn hơn và cường độ mạnh hơn những trung tâm đón khách ở độ tuổi trung niên do: thanh thiếu niên thường đi theo đoàn vào những khoảng thời gian nhất định trong năm như: các kỳ nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ đông...

*+ Số lượng, chất lượng của các cơ sở lưu trú chính*

Ở những địa phương, điểm đến tập trung chủ yếu là các cơ sở lưu trú chính: khách sạn, resort,... thì mùa du lịch kéo dài hơn và cường độ của mùa chính yếu hơn so với những nơi có nhiều cơ sở lưu trú như nhà nghỉ, bãi cắm trại, nhà dân, do những nơi có chủ yếu là các cơ sở lưu trú chính thì việc đầu tư và bảo dưỡng tốn kém hơn dẫn đến những nhà kinh doanh phải tìm nhiều phương cách để thu hút du khách kéo dài thời vụ du lịch. Ngược lại, những nơi có thời vụ du lịch ngắn thì nhu cầu đầu tư và xây dựng các cơ sở lưu trú chính ít hơn. Cơ sở lưu trú là nhà trọ và Camping vừa linh hoạt lại vừa tốn ít chi phí hơn.

*Một số đặc điểm về tính thời vụ của du lịch Việt Nam*

*+ Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch phát triển quanh năm*

Việt Nam là một nước có tài nguyên du lịch thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh du lịch quanh năm. Sự đa dạng về khí hậu. Nước Việt Nam hình chữ S trải theo chiều Bắc – Nam. Do vậy, chỉ có ở miền Bắc và miền Trung còn có mùa đông, ở miền Nam khí hậu quanh năm nóng ẩm, bờ biển dài thuận lợi cho kinh doanh du lịch nghỉ biển cả năm. Sự phong phú về tài nguyên nhân văn ở khắp mọi miền đất nước. Do đó, tính thời vụ có thể hạn chế và có điều kiện giảm cường độ của thời vụ du lịch.

*+ Trong năm, Việt Nam xuất hiện nhiều thời vụ du lịch do đặc điểm của cơ cấu khách*

Trong giai đoạn hiện nay đối tượng khách du lịch tại Việt Nam có động cơ và mục đích rất khác nhau. Khách du lịch nội địa đi du lịch chủ yếu là để nghỉ biển, nghỉ dưỡng và (đi tham quan) lễ hội, họ đi du lịch chủ yếu vào các tháng hè và các tháng đầu năm. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hiện nay chủ yếu với mục đích kết hợp kinh doanh thăm dò thị trường), ký kết hợp đồng, một số với mục đích tham quan tìm hiểu (động cơ xã hội), khách đến Việt Nam chủ yếu vào từ tháng 10 đến tháng 3 hàng năm. Luồng khách du lịch nội địa lớn hơn luồng khách du lịch quốc tế nhiều.

+ *Độ dài của thời vụ du lịch và cường độ biểu hiện của thời vụ du lịch ở các thành phố lớn, các tỉnh và các trung tâm du lịch rất khác nhau.*

Điều đó phụ thuộc vào sự phát triển các loại hình kinh doanh du lịch khác nhau và cấu trúc, đặc điểm của các luồng khách du lịch. Xuất phát từ chỗ Việt Nam trong giai đoạn phát triển du lịch hiện nay thu hút khách du lịch quốc tế chủ yếu bởi các giá trị lịch sử (di tích lịch sử); các giá trị văn hóa (phong tục tập quán cổ truyền, lễ hội), các dự án đầu tư, các hoạt động kinh doanh sản xuất, phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (và tổng số ngày khách của khách du lịch quốc tế) tập trung chính vào khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 3 trong năm bởi các nguyên nhân sau:

Phần lớn các dịp lễ hội, Tết Nguyên Đán tập trung vào những tháng đầu năm. Trong giai đoạn hiện nay, hầu hết khách Việt Kiều (chiếm tỉ trọng lớn trong tổng số khách du lịch quốc tế vào Việt Nam) và khách du lịch với mục đích tham quan, tìm hiểu thường đến dịp này.

Các thương gia đến Việt Nam thường đến nhiều vào thời gian ngoài kì nghỉ hè, vì thời gian nghỉ hè họ thường cùng với những người thân của họ đi nghỉ ở những nơi nổi tiếng, truyền thống hấp dẫn cho các kỳ nghỉ hè gia đình của khách du lịch quốc tế trên thế giới. Ví dụ: khách du lịch Pháp thường tránh đến Việt Nam vào tháng 7, 8, 9 vì họ sợ gió mùa, bão của những tháng đó.

### 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến thời vụ trong du lịch

#### 3.2.1. Yếu tố xã hội

##### *Yếu tố thời gian rỗi*

Thời gian rỗi là nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố không đồng đều của nhu cầu du lịch. Con người chỉ có thể đi du lịch vào thời gian rỗi. Tác động của thời gian rỗi lên tính thời vụ trong du lịch phải xét trên 2 khía cạnh:

*Khía cạnh thứ nhất* là thời gian nghỉ phép năm tác động lên thời vụ du lịch do: Độ dài của thời gian nghỉ phép và thời gian sử dụng phép. Nếu thời gian nghỉ phép năm ngắn thì con người chỉ có thể đi du lịch ít lần trong năm, khi đó họ sẽ có xu hướng chọn thời gian chính vụ để đi nghỉ với mong muốn tận hưởng những ngày nghỉ phép quý giá. Do vậy, sự tập trung các nhu cầu có khả năng thanh toán sẽ cao vào thời vụ du lịch. Nhưng ngày nay có xu hướng chung là số ngày nghỉ phép năm của người dân lao động tăng lên. Nếu số ngày nghỉ phép dài, cho phép con người đi du lịch nhiều hơn 1 lần trong năm thì tỉ trọng tương đối của nhu cầu tập trung vào chính vụ du lịch sẽ giảm trong tổng số nhu cầu cả năm. Như vậy sự gia tăng thời gian rỗi góp phần giảm cường độ của thời vụ và tăng cường độ tập trung nhu cầu vào ngoài thời vụ du lịch truyền thống.

Sự tập trung lớn nhu cầu vào thời vụ chính còn do việc sử dụng phép theo tập đoàn của các tầng lớp dân cư dẫn đến sự tập trung cầu du lịch vào thời điểm chính vụ.

Nhiều công ty ở các nước có nền kinh tế phát triển thường ngừng hoạt động chính vào một số giai đoạn trong năm và yêu cầu nhân viên phải nghỉ phép vào thời gian đó. Ngoài ra, giáo viên thường chỉ có thể đi du lịch vào kỳ nghỉ của trường học và nông dân chỉ đi nghỉ vào những tháng không bận rộn mùa màng. Đây cũng là nhân tố làm tăng sự tập trung nhu cầu vào chính vụ du lịch.

*Khía cạnh thứ hai* của thời gian rỗi là thời gian nghỉ của các trường học: Tác động chủ yếu lên cầu du lịch. Thời gian nghỉ học của các trường học đóng vai trò giới hạn việc lựa chọn thời gian đi du lịch của các bậc phụ huynh có con ở độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi. Tác động của thời gian nghỉ của các trường học cũng phải được nghiên cứu trên 2 mặt là: độ dài của thời gian nghỉ và sự phân bố thời gian nghỉ của các trường học trong năm. Ở hầu hết các nước, nghỉ hè là kỳ nghỉ dài nhất của học sinh. Do vậy, đối với các nơi phát triển du lịch nghỉ biển không khó gì để nhận ra tác động của nhân tố thời gian rỗi của trường học lên tính thời vụ du lịch.

Những năm gần đây, các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch ngày càng quan tâm đến một phần của dân cư không bị phụ thuộc cả vào thời gian nghỉ phép năm lẫn thời gian nghỉ của các trường học. Đó là những người ở độ tuổi thứ 3, độ tuổi hưu trí. Số lượng của đối tượng này ngày càng tăng và đây là một trong những nguồn dự trữ để phân bổ hợp lý hơn nhu cầu du lịch trong năm.

Tóm lại, nhân tố thời gian rỗi có xu hướng biến đổi thuận lợi sau:

- Xu hướng tăng số ngày nghỉ phép năm để có thể sử dụng hai lần nghỉ trong một năm;
- Tỷ trọng người ở độ tuổi thứ 3 ngày càng tăng, họ là những người sử dụng tùy ý thời gian đi nghỉ.

Những xu hướng trên là điều kiện thuận lợi để hạn chế sự tập trung nhu cầu vào thời vụ chính. Sự gia tăng thời gian rỗi góp phần giảm cường độ của thời vụ du lịch và tăng sự tập trung nhu cầu ngoài vụ du lịch.

### *Yếu tố thu nhập*

Thu nhập là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định tới nhu cầu đi du lịch, thu nhập của người dân càng cao thì nhu cầu đi du lịch càng nhiều. Vì vậy, ở các nước có nền kinh tế phát triển, người ta đi du lịch nhiều hơn, thực hiện nhiều chuyến đi du lịch trong một năm, do đó nhu cầu đi du lịch trong mùa chính giảm, góp phần làm giảm cường độ du lịch ở thời vụ du lịch chính. Điều đó cho thấy rõ tác động của thu nhập đến tính thời vụ.

Sự thay đổi tỉ giá hối đoái cũng tác động khá lớn đến nhu cầu đi du lịch. Chẳng hạn, đồng tiền quốc gia nơi đến bị mất giá so với đồng tiền có khả năng chuyển đổi cao như USD, EURO... thì sẽ làm tăng nhu cầu du lịch và ngược lại. Sự thay đổi có thể kéo theo làm thay đổi mức độ, thời vụ của du lịch.

### *Xã hội hoá trong du lịch*

Hiện tượng quần chúng hoá trong du lịch là nhân tố ảnh hưởng tới cầu du lịch. Kết quả của quần chúng hoá trong du lịch là sự mở rộng tham gia của số đông du khách có khả năng thanh toán trung bình và thường ít có kinh nghiệm đi du lịch. Những người khách này thường chọn đi du lịch vào mùa du lịch chính vì:

Mặc dù, vào mùa du lịch chi phí cho việc vận chuyển, lưu trú, ăn uống thường cao nhưng lại thường có chính sách giảm giá cho các đoàn đi tập thể, ngoài ra chi phí tổ chức theo đoàn sẽ nhỏ nhất vì đi theo đoàn, mà đa số khách có khả năng thanh toán hạn chế thường chọn đi nghỉ biển tập thể;

Họ thường không thông hiểu về điều kiện nghỉ ngơi của từng thời kỳ nên họ chọn những tháng chính vụ để xác suất gặp thời tiết bất lợi là ít nhất;

Ngoài ra, còn phải kể đến ảnh hưởng của sự bắt chước lẫn nhau của du khách. Những người mới đi du lịch thường ít hiểu biết và kinh nghiệm về điều kiện nghỉ ngơi của nơi đến. Do vậy, họ lựa chọn thời gian nghỉ dưới tác động của nhân tố tâm lý, họ hay đi nghỉ vào thời gian mà các nhân vật có tiếng đi nghỉ;

Vì vậy, sự quần chúng hóa trong du lịch làm tăng tính thời vụ vốn sẵn có trước đó lại có cường độ càng tăng. Để khắc phục ảnh hưởng này người ta thường dùng chính sách giảm giá vào trước và sau mùa chính, đồng thời tăng cường quảng cáo các điều kiện nghỉ ngơi ngoài mùa chính để thu hút khách.

### *Phong tục, tập quán*

Thông thường các phong tục, tập quán có tính chất lịch sử, bền vững. Dưới tác động của các điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán được hình thành qua thời gian, dần trở thành lâu đời và có giá trị trong đời sống cộng đồng dân cư các vùng, miền với những màu sắc khác nhau, mang tính độc đáo, hấp dẫn riêng. Điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi cũng tạo thêm nhiều phong tục, tập quán mới bên cạnh những phong tục xưa được cộng đồng tôn trọng gìn giữ.

Như vậy, phong tục, tập quán là nhân tố có tính bất hợp lý tác động mạnh lên sự tập trung các nhu cầu du lịch vào thời vụ du lịch chính. Ví dụ: Ở Việt Nam, tác động của nhân tố phong tục lên tính thời vụ du lịch rất rõ ràng và mạnh mẽ. Tại miền Bắc nước ta, theo phong tục thì những tháng đầu năm vào mùa xuân là những tháng hội hè, lễ bái. (theo các nhà văn hóa, trên 74% số lễ hội trong năm ở Đồng bằng Bắc Bộ diễn ra vào thời gian từ tháng 12 năm nay đến tháng 4 âm lịch năm sau). Vì vậy, vào thời điểm này du khách tập trung rất đông đến các điểm du lịch có nhiều chùa, đền: chùa Hương, chùa Thầy, Đền Hùng,....

Để khắc phục phần nào ảnh hưởng bất lợi của phong tục làm tăng đột ngột các nhu cầu vào một thời gian ngắn, phương pháp chủ yếu là mở rộng hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng cáo trong thời gian thật dài do việc thay đổi phong tục của một đất nước, một vùng thường diễn ra chậm.

### 3.2.2. Yếu tố tự nhiên

#### *Khí hậu*

Trong nhóm nhân tố mang tính tự nhiên có nhiều yếu tố có thể tác động tới hoạt động du lịch, tuy nhiên, khí hậu là nhân tố chính ảnh hưởng đến tính thời vụ trong du lịch. Thông thường, khí hậu tác động lên cả cung và cầu trong du lịch nhưng ở từng vùng khí hậu cụ thể thì mức tác động có thể khác nhau.

Ở đây cần nhấn mạnh rằng hướng ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của nhân tố khí hậu là khác nhau đối với các loại hình kinh doanh du lịch khác nhau.

Cụ thể:

+ *Đối với các loại hình du lịch nghỉ biển, nghỉ núi, du lịch thể thao núi:*

Hướng ảnh hưởng: khí hậu hoặc tài nguyên du lịch dẫn đến cầu du lịch;

Mức độ ảnh hưởng đối với các thể loại du lịch như du lịch nghỉ biển, du lịch nghỉ núi, du lịch thể thao núi mức độ ảnh hưởng của nhân tố khí hậu là rất lớn.

Về mặt cung, đa số các điểm tham quan du lịch, giải trí đều tập trung số lượng lớn vào mùa hè với khí hậu ấm áp như: các điểm du lịch nghỉ biển, nghỉ núi, chữa bệnh.

Về mặt cầu: mùa hè là mùa có lượng khách du lịch lớn nhất.

Đối với du lịch nghỉ biển, các thành phần của khí hậu như cường độ ánh nắng, độ ẩm, độ mạnh và hướng của gió, nhiệt độ cộng với một số đặc điểm khác của biển và bờ biển như: độ sâu của bờ biển, kích thước của bãi tắm... quyết định mức độ tiện nghi phù hợp với việc tắm và phơi của khách, từ đó dẫn đến việc xác định giới hạn của thời vụ du lịch. Tuy nhiên, giới hạn đó có thể mở rộng ra hoặc thu hẹp lại tùy thuộc và đòi hỏi của khách du lịch và tiêu chuẩn của họ khi sử dụng tài nguyên du lịch.

+ *Đối với các thể loại du lịch khác như du lịch chữa bệnh, văn hóa, công vụ...*

Khí hậu không ảnh hưởng trực tiếp lên tài nguyên du lịch (chất lượng nước khoáng không thay đổi trong cả năm, chất lượng của tài nguyên nhân văn như tượng, viện bảo tàng... cũng không thay đổi trong suốt năm). Khí hậu lại có ảnh hưởng trực tiếp lên cầu du lịch (mặc dù ảnh hưởng của điều kiện khí hậu không khắt khe như đối với du lịch nghỉ biển). Khách du lịch tham gia các loại hình du lịch này thường chọn khi thời tiết thuận lợi (vào mùa xuân, mùa thu, mùa khô) để thực hiện chương trình du lịch. Do đó, biểu hiện cường độ khách tập trung chủ yếu vào một số thời gian trong năm.

Hoặc nhân tố khí hậu đóng vai trò chính, hạn chế sự cân bằng của các cuộc hành trình du lịch và sử dụng các tài nguyên du lịch theo thời gian.

Như vậy, yếu tố tự nhiên mà cụ thể là khí hậu có vai trò lớn đối với thời vụ du lịch. Khí hậu quyết định điều kiện phù hợp để bắt đầu một chuyến du lịch đối với khách du lịch và quyết định tới việc tổ chức, hoạt động du lịch, sử dụng tài nguyên du lịch đối với một địa phương trong khoảng thời gian nhất định. Đối với các loại hình du lịch khác: du lịch văn hóa, du lịch chữa bệnh, du lịch công vụ... ở các loại hình du lịch này yếu tố khí hậu không có những tác động mạnh mẽ.

Khí hậu đóng vai trò xác định giới hạn của thời vụ du lịch, giới hạn có thể mở rộng hay thu hẹp lại tùy thuộc vào đòi hỏi và tiêu chuẩn của du khách khi sử dụng tài nguyên.

### 3.2.3. Yếu tố về sự sẵn sàng đón tiếp khách

Sự sẵn sàng đón tiếp du khách là nhân tố ảnh hưởng đến độ dài của thời vụ thông qua lượng cung trong hoạt động du lịch. Cơ cấu của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cách tổ chức hoạt động trong các cơ sở du lịch ảnh hưởng đến việc phân bổ nhu cầu theo thời gian. Ví dụ: Các cơ sở lưu trú chính thường có thời gian kinh doanh dài hơn so với các cơ sở lưu trú tạm thời (nhà nghỉ bình dân, trại,...).

Việc phân bổ hợp lý các hoạt động vui chơi, giải trí, tổ chức cho du khách có ảnh hưởng nhất định đến việc khắc phục sự tập trung những nhân tố tác động đến thời vụ du lịch.

Chính sách giá của các cơ quan du lịch ở từng nước, từng vùng, các tổ chức kinh doanh du lịch, khách sạn thường giảm giá các dịch vụ và hàng hóa trước và sau mùa chính hoặc dùng các hình thức khuyến mãi để kéo dài thời vụ du lịch.

Các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo ảnh hưởng không nhỏ đến sự phân bố của luồng khách du lịch giúp cho khách du lịch nắm được các thông tin về điểm du lịch để họ có kế hoạch đi nghỉ sớm hoặc sau mùa chính một khi họ thấy có lợi.

Thông thường, các nhân tố thuộc ba nhóm trên vừa tác động riêng lẻ vừa tác động đồng thời, người ta thường thấy ảnh hưởng của một vài nhân tố cùng một lúc.

## 3.3. Một số biện pháp khắc phục tính thời vụ trong du lịch

### 3.3.1. Những tác động bất lợi do hoạt động du lịch gây ra

#### *Tác động đến dân cư sở tại*

Dân cư sở tại là những người sống và làm việc trong khu phát triển du lịch, bao gồm cả những người không tham gia và cả những người tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh du lịch. Sự tác động này trên cả 2 khía cạnh, đó là:

*Vào chính vụ du lịch:* Khi lượng khách tăng cao chính là thời điểm mà người dân được hưởng nhiều các lợi ích từ du lịch mang lại: thu nhập tăng, tạo thêm việc làm. Tuy nhiên, họ cũng phải hứng chịu một số tác động bất lợi trong cuộc sống hàng ngày do sự mất cân đối, mất ổn định đối với các phương tiện giao thông đại



chúng, đối với mạng lưới phục vụ xã hội (giao thông công chính, điện, nước, mạng lưới thương nghiệp...) làm ảnh hưởng tới cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, cụ thể:

Chất lượng cuộc sống của người dân bị giảm sút do một số yếu tố đảm bảo chất lượng cuộc sống bị thay đổi.

Du khách tới đông đồng nghĩa với việc tăng số lượng người và xe tham gia lưu thông trên các tuyến đường gần khu vực du lịch, thậm chí ngay cả trong điểm du lịch. Tình trạng tắc nghẽn giao thông khiến cho người dân tại điểm điểm du lịch gặp khó khăn khi tham gia giao thông: họ phải đi làm sớm hơn nhưng về lại muộn hơn, sự căng thẳng ngột ngạt khi ở ngoài đường,...

Môi trường sống bị suy giảm: Đó là tình trạng ô nhiễm không khí do lượng khí thải từ phương tiện giao thông, sự xâm hại của khối lượng rác khổng lồ mà du khách thải ra, đặc biệt là sự ô nhiễm tiếng ồn đang ngày một khiến cho cuộc sống của người dân thêm ngột ngạt, căng thẳng. Môi trường sống suy giảm là một trong những nguyên nhân gây ra các căn bệnh lây qua đường hô hấp, stress,...

Chất lượng nguồn điện, nước sinh hoạt không được đảm bảo: sự đảm bảo ở đây là cả về số lượng và khối lượng. Tại các khu phát triển du lịch vào mùa cao điểm, tiêu thụ một số lượng rất lớn điện nước để phục vụ du khách 24/24<sup>h</sup>, đặc biệt tại các điểm phát triển du lịch vào mùa hè (các bãi biển...), khiến cho mạng lưới cung cấp khó có thể sản xuất và cung ứng kịp thời, đầy đủ và có chất lượng. Người dân sống trong cảnh bị cắt điện nước luân phiên do vậy họ phải điều chỉnh nhịp độ sinh hoạt của gia đình hoặc phải đi mua nước với giá cao hơn mức bình thường.

#### *Các tác động bất lợi đến chính quyền địa phương*

*Chính vụ du lịch:* Khi cầu du lịch tập trung quá lớn sẽ gây ra không ít những sự mất thăng bằng cho việc bảo vệ trật tự an ninh và an toàn xã hội. Ở mức độ nhất định, tính thời vụ gây ra những khó khăn cho việc quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch (ở cả cấp trung ương và địa phương):

Gây khó khăn trong việc đảm bảo trật tự an ninh và an toàn xã hội... Dòng du khách tới quá đông đồng nghĩa với việc tạo ra môi trường thuận lợi cho sự xuất hiện của nhiều vấn đề bức xúc cho các nhà quản lý, thể hiện trên các mặt như:

Khó khăn cho việc đảm bảo tính mạng và tài sản cho dân cư địa phương và khách du lịch: lừa đảo, cướp giật tài sản. Nhiều đối tượng xấu đã lợi dụng sự đông đúc tại các điểm du lịch, sự nhẹ dạ, sơ hở để tiến hành các hoạt động trục

lợi, gây lên sự mất ổn định trên địa bàn và tạo tâm lý lo sợ cho du khách đặc biệt là du khách quốc tế.

Vấn đề tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu, sử dụng và buôn bán ma túy, thành phần ở đây bao gồm cả dân cư địa phương và du khách, đặc biệt là giới trẻ.

Vấn đề kiểm soát dịch bệnh: bệnh lây qua đường hô hấp, HIV... tại các điểm du lịch sự lây nhiễm bệnh tật rất dễ xảy ra do hoạt động du lịch gắn liền với hoạt động giao lưu, tiếp xúc.

#### *Các tác động bất lợi đến khách du lịch*

*Chính vụ du lịch:* Khi cầu du lịch tập trung lớn hạn chế khả năng tìm chỗ nghỉ ngơi thích hợp với thời gian tự chọn theo ý muốn. Ngoài ra, vào mùa du lịch chính thường xảy ra tình trạng tập trung nhiều khách du lịch trên phương tiện giao thông, trong các cơ sở lưu trú ở các điểm du lịch. Điều đó làm giảm tiện nghi khi đi lại, lưu trú của khách. Do vậy, dẫn đến việc giảm chất lượng dịch vụ du lịch mà khách du lịch được hưởng.

*Ngoài vụ du lịch* du khách không được thoả mãn chất lượng dịch vụ du lịch do chất lượng về tài nguyên du lịch không được đảm bảo. Tác động này thật sự thấy rõ ở những nơi phát triển du lịch nghỉ biển.

#### *Các tác động bất lợi đến doanh nghiệp kinh doanh du lịch*

*Chính vụ du lịch:* Các bất lợi khi cầu du lịch tăng tới mức vượt quá khả năng cung cấp của các cơ sở kinh doanh du lịch nhiều lần (độ căng thẳng của độ tập trung cầu du lịch), dẫn tới:

Giảm chất lượng phục vụ du lịch. Khó khăn trong việc tổ chức và sử dụng nhân lực: Khi lượng khách tăng cao tại một thời điểm trong khi lượng nhân viên, lao động tại các cơ sở kinh doanh du lịch lại có hạn nên gây sẽ gây khó khăn cho các nhà quản lý trong việc điều động nhân lực. Trong khi việc thuê lao động thời vụ tại thời điểm chính vụ cũng không đơn giản vì khó có thể đảm bảo về số lượng và chất lượng mà doanh nghiệp cần;

#### 3.3.2. Các biện pháp khắc phục tính thời vụ trong du lịch

+ ***Kéo dài độ dài của thời vụ du lịch.*** Các nhà quản lý có thể dùng chính sách khuyến khích, giảm giá, tặng quà ngoài thời vụ chính: giảm giá, thêm dịch vụ không mất tiền, tặng quà, tăng tỷ giá hối đoái,... để thu hút khách.

+ **Đa dạng hoá các loại hình du lịch, các dịch vụ du lịch bổ sung:** giải trí, tiêu khiển, thể thao, câu lạc bộ, tổ chức các sự kiện lễ hội (thể thao, văn hóa)... cũng là phương án hữu ích trong việc hạn chế tính mùa vụ trong du lịch.

+ **Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch.** Các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo ảnh hưởng không nhỏ đến sự phân bố của luồng khách du lịch giúp cho khách du lịch nắm được các thông tin về điểm du lịch một cách nhanh và hiệu quả nhất. Các doanh nghiệp du lịch cần nỗ lực khai thác thị trường, tăng cường tìm kiếm nguồn khách du lịch công vụ, các hội nghị, hội thảo của các cơ quan, ban, ngành, các công ty trên toàn quốc. Các khách sạn, nhà hàng cần phải có các biện pháp tiếp thị, khuyến mãi trong mùa thấp điểm, giảm giá hoặc thực hiện các biện pháp khuyến mãi cho các hoạt động.

+ **Làm tăng mức độ phù hợp giữa cung và cầu du lịch,** các biện pháp chủ yếu ở đây là: Tổ chức lao động hợp lý - các doanh nghiệp có quỹ lao động cơ hữu và lao động theo mùa vụ; Liên kết với các đơn vị kinh doanh bên cạnh để hỗ trợ về nguồn nhân lực lúc quá tải.

Trong thời gian vắng khách, cần tổ chức nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, bổ sung các dịch vụ phụ trợ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ phục vụ tại đơn vị mình. Ngoài ra, các đơn vị cần thực hiện nhiều biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí trong mùa vắng khách, tuy nhiên cũng cần bảo đảm mức lương tối thiểu cho người lao động để giữ nguồn nhân lực. Đồng thời tạo công ăn việc làm ngoài thời vụ du lịch cho lao động của doanh nghiệp.

+ **Tạo điều kiện cho thời vụ du lịch thứ hai:** Phải xác định được những thể loại du lịch mới có thể phát triển đạt hiệu quả kinh tế. Việc đánh giá, xác định phải dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn sau:

Tính hấp dẫn của tài nguyên du lịch vào thời gian ngoài mùa du lịch chính.

Khả năng huy động những tài nguyên du lịch chưa được khai thác.

Nguồn khách triển vọng theo cơ cấu và số lượng.

Chất lượng và cơ cấu của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đã có (đánh giá theo hướng xem cơ sở vật chất kỹ thuật đó có thể thỏa mãn được những nhu cầu của các đối tượng khách du lịch khác).

Chuẩn bị lượng vốn cần thiết để xây dựng thêm trang thiết bị phục vụ cho mùa du lịch thứ hai.

Nâng cao sự sẵn sàng đón tiếp khách.

### ❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Khái niệm và đặc điểm thời vụ du lịch.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến thời vụ trong du lịch: xã hội, tự nhiên, sự sẵn sàng đón tiếp khách.
- Một số biện pháp khắc phục tính thời vụ trong du lịch

### ❖ CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 3

**Câu hỏi 1.** Trình bày khái niệm và đặc điểm của thời vụ du lịch. Liên hệ thực tế tại Việt Nam.

**Câu hỏi 2.** Xác định thời vụ trên một địa bàn phát triển du lịch cụ thể tại Việt Nam.

**Câu hỏi 3.** Phân tích các tác động bất lợi của tính thời vụ du lịch đối với đối tượng tham gia vào hoạt động du lịch.

**Câu hỏi 4.** Tìm hiểu và đánh giá sự ảnh hưởng thời vụ du lịch đến hoạt động kinh doanh tại một điểm du lịch.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. NXB Lao động – Xã hội.
2. Nguyễn Văn Đình, Trần Thị Minh Hòa (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2006), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lẻ hành*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/07/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật Di sản văn hóa*.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Du lịch*.
8. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (2015), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Trần Đức Thanh (2003), *Giáo trình nhập môn Khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Mai Quốc Tuấn (2010), *Giáo trình địa lý và tài nguyên du lịch*. NXB Lao động.
11. Lê Anh Tuấn (2008), *Du lịch nông thôn – Định hướng phát triển ở Việt Nam*. Tạp chí Du lịch Việt Nam, Tổng cục Du lịch, số 2/2008, trang 31,32.